

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH 6



BẢN CÁO BẠCH

(Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: 0103002966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 29/09/2003 và đăng ký thay đổi lần 4 ngày 14 tháng 01 năm 2008)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Đăng ký niêm yết số: 203/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày 02 tháng 04 năm 2010)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

Công ty Cổ phần công trình 6

Địa chỉ: Tổ 36 – Thị trấn Đông Anh – Huyện Đông Anh – TP. Hà Nội

Điện thoại: 84 4 8883 2235/84 4 8883 5681

Fax: 84 4 8883 2761

Trụ sở chính Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Địa chỉ: 71 Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội.

Điện thoại: 04.3773 70 70/ 6271 71 71

Fax: 04.3773 90 58

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Địa chỉ: 31 Nguyễn Công Trứ - Phường Nguyễn Thái Bình – Quận 1 – TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.6290 86 86

Fax: 08.6291 06 07

Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Địa chỉ: 124 Nguyễn Thị Minh Khai, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0511.355 3666

Fax: 0511.355 3888

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên : Phạm Xuân Huy

Chức vụ : Phó Tổng giám đốc

Điện thoại : 04 3 883 3535

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH 6

(Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số:0103002966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 29/09/2003 và đăng ký thay đổi lần 4 ngày 14 tháng 01 năm 2008.)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu : **Cổ phiếu Công ty cổ phần công trình 6**
Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá : **10.000 đồng/cổ phiếu** (Mười nghìn đồng/cổ phiếu)
Tổng số lượng niêm yết : 4.437.401 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết : 44.374.010.000 đồng (*theo mệnh giá*)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

❖ Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn tài chính quốc tế.

Địa chỉ : Số 09, lô 1A, Đường Trung Yên, Phường Trung Hòa, Q.Cầu Giấy, TP.Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 3 783 2991 Fax: (84-4) 3 783 2990

Website : www.ifevietnam.com.vn

Email : ifc@ifcvietnam.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

❖ Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Trụ sở chính

Địa chỉ: 71 Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội.

Điện thoại: 04.3773 70 70/ 6271 71 71 Fax: 04.3773 90 58

Email: fptsecurities@fpts.com.vn Website: www.fpts.com.vn

Chi nhánh tại Tp Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 31 Nguyễn Công Trứ - Phường Nguyễn Thái Bình - Quận 1 – TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.6290 86 86 Fax: 08.6291 60 70

Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT

Địa chỉ: 124 Nguyễn Thị Minh Khai, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0511.355 3666 Fax: 0511.355 3888

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	7
1. Rủi ro kinh tế.....	7
2. Rủi ro luật pháp.....	7
3. Rủi ro kinh doanh.....	7
4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu	8
5. Rủi ro khác.....	9
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	11
Tổ chức niêm yết: Công ty cổ phần công trình 6	11
Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần chứng khoán FPT (FPTS).....	11
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	13
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	15
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	15
2. Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty	19
2.1. Đại hội đồng cổ đông	19
2.2. Hội đồng quản trị.....	19
2.3. Ban Kiểm soát	20
2.4. Ban Giám đốc công ty	21
2.5. Các Phòng - Ban chức năng.....	21
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ; Danh sách cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông	26
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.....	28
4.1. Danh sách Công ty mẹ, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết	28
4.2. Danh sách công ty con, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết	28
4.3. Danh sách công ty liên doanh, liên kết với tổ chức niêm yết	28
5. Hoạt động kinh doanh	29
5.1. Sản phẩm/ Dịch vụ	29
5.2. Nhà cung cấp.....	35
5.3. Chi phí sản xuất.....	39
5.4. Ứng dụng công nghệ mới, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ kinh doanh	39
5.5. Quy trình sản xuất sản phẩm.....	41
5.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.....	44
5.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm.....	44
5.8. Hoạt động Marketing	44
5.9. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	45
5.10. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	45
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2 năm gần nhất	47
6.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động SXKD của Công ty trong 2 năm gần nhất.....	47

6.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo:	47
7. Vị thế Công ty trong ngành	49
7.1. Những lợi thế cạnh tranh của Công ty	49
7.2. Những khó khăn, thách thức đối với Công ty	49
7.3. Triển vọng và cơ hội phát triển ngành	49
7.4. Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước	51
8. Chính sách với người lao động	51
8.1. Cơ cấu lao động	51
8.2. Chính sách với người lao động	52
9. Chính sách cổ tức	52
10. Tình hình tài chính	53
10.1 Các chỉ tiêu cơ bản	53
10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	55
11. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	57
11.1 Hội đồng quản trị	57
11.2 Ban kiểm soát	64
11.3 Ban Tổng Giám đốc	68
11.4 Kế toán trưởng	68
12. Tài sản	68
13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	69
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	72
15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết	72
V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT	74
1. Loại chứng khoán	74
2. Mệnh giá	74
3. Tổng số chứng khoán niêm yết	74
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết	74
5. Phương pháp tính giá	74
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	75
7. Các loại thuế có liên quan	75
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT	77
VII. PHỤ LỤC	78
1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	78
2. Phụ lục II: Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu Công ty niêm yết	78
3. Phụ lục V: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2007, 2008	78
4. Phụ lục VI: Báo cáo tài chính Quý III/ 2009	78

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1 - Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty	16
Bảng 2 - Thông tin chung về Công ty cổ phần Công trình 6.....	18
Bảng 3 - Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ tại ngày 15/12/2009	26
Bảng 4 - Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 15/12/2009.....	27
Bảng 5 - Tỷ trọng sản phẩm dịch vụ qua các năm trên tổng doanh thu	34
Bảng 6 - Danh sách các nhà cung cấp	35
Bảng 7 - Cơ cấu chi phí sản xuất trên doanh thu.....	39
Bảng 8 - Một số thiết bị, phương tiện phục vụ sản xuất kinh doanh.....	39
Bảng 9 - Các Ban quản lý dự án, chủ đầu tư, các công trình do Công ty thi công.....	37
Bảng 10 - Các hợp đồng lớn đang thực hiện	46
Bảng 11 - Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động SXKD.....	47
Bảng 12 - Cơ cấu lao động theo trình độ lao động.....	51
Bảng 13 - Tình hình chia cổ tức từ 2006 - 2008.....	53
Bảng 14 - Tình hình công nợ phải thu năm 2007, 2008 và Quý III/ 2009	54
Bảng 15 - Tình hình công nợ phải trả năm 2007, 2008 và Quý III/ 2009	54
Bảng 16 - Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	55
Bảng 17 - Giá trị tài sản của Công ty tại ngày 30/09/2009.....	68
Bảng 18 - Tình hình nhà xưởng đất đai của Công ty tại thời điểm 30/09/2009	69
Bảng 19 - Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2009-2011	69

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1 - Cơ cấu tổ chức - quản lý Công ty	19
Sơ đồ 2 - Quy trình sản xuất bê tông cốt thép	41
Sơ đồ 3 - Quy trình sản xuất bê tông dự ứng lực.....	42
Sơ đồ 4 - Quy trình đấu thầu dự án và ký kết hợp đồng.....	43

PHẦN I:

**CÁC NHÂN TỐ
RỦI RO**

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến ngành xây dựng cơ bản nói chung cũng như đối với Công ty nói riêng. Nền kinh tế Việt Nam trong những năm gần đây đạt tốc độ phát triển cao: năm 2004 đạt 7,7% và năm 2005 đạt 8,4%, 2006 là 8,2% , năm 2007 là 8,5% .Tuy nhiên, đến năm 2008 chịu ảnh hưởng chung từ đợt khủng hoảng kinh tế trên toàn thế giới, tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam chỉ đạt 6,23%.

(Nguồn: Tổng hợp từ tổng cục thống kê)

Trong những tháng đầu năm 2009, tình hình kinh tế có khả quan hơn nhưng không đáng kể, theo nhiều nhà nghiên cứu kinh tế dự báo tốc độ tăng trưởng GDP đạt khoảng 5-5,5%. Những con số trên cho thấy sự ảnh hưởng nặng nề từ sự suy thoái kinh tế toàn cầu. Đây sẽ là một trong những rủi ro có thể ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của hầu hết các doanh nghiệp trong đó có Công ty cổ phần công trình 6.

2. Rủi ro luật pháp

Là một Công ty cổ phần mọi hoạt động của Công trình 6 đều chịu sự điều chỉnh của luật Doanh nghiệp, bất cứ sự thay đổi nào về pháp luật và môi trường pháp lý đều tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Sau khi tiến hành niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán, các Nghị định, Thông tư về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán.

Tuy nhiên, do hệ thống Luật pháp của Việt Nam hiện nay còn chưa đồng bộ, các văn bản hướng dẫn còn đang trong quá trình hoàn thiện nên sự điều chỉnh của Nhà nước liên tục diễn ra sẽ gây ra ảnh hưởng nhất định trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các Công ty . Do đó, để hạn chế rủi ro này, Công ty phải thường xuyên theo dõi cập nhật kịp thời, nắm bắt đường lối, chủ trương của Đảng và nhà nước để từ đó xây dựng chiến lược phát triển cho phù hợp.

3. Rủi ro kinh doanh

Công trình 6 hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, do vậy giá cả nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí đầu vào, ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của công ty. Việc giá cả nguyên vật liệu biến động ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó, trong XDCB, nhất là xây dựng các công trình giao thông hiện nay việc giải phóng mặt bằng là vấn đề hết sức nan giải và phức tạp. Công trình giải phóng mặt bằng tốt, kịp thời sẽ quyết định tốt đến tiến độ và hiệu quả thi công, ngược lại giải phóng mặt bằng chậm trễ sẽ dẫn đến việc thi công kéo dài, công trình kém hiệu quả. Do vậy, các doanh nghiệp xây dựng và sửa chữa công trình giao thông có chung đặc thù về vòng quay vốn chậm, khiến quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh phụ thuộc khá nhiều vào nguồn vốn vay của Ngân hàng. Việc tăng lãi suất của các ngân hàng ảnh hưởng mạnh đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và khả năng thanh toán nợ. Ngoài ra rủi ro về thanh toán của Công ty còn là việc thu hồi nợ của khách hàng.

Là đơn vị XDCB thuộc ngành đường sắt Việt Nam, hầu hết các công trình đều "vừa thi công vừa khai thác" nên độ rủi ro và những nhân tố mất an toàn là rất lớn, do đó khi triển khai thi công công trình công ty đều phải lập phương án đảm bảo an toàn giao thông và dự tính đến các phương án khắc phục khi xảy ra các tình huống mất an toàn.

Tuy nhiên, những năm qua và những năm tới Công trình 6 là đơn vị có thị trường rất lớn, tiềm năng công việc nhiều đặc biệt là thị trường xây dựng đường sắt với các dự án: Đường sắt đô thị Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Đường sắt trong chiến lược hai hành lang: Một vành đai Hà Nội- Lào Cai - Hải Phòng; Yên Viên - Hạ Long và đường sắt cao tốc Hà Nội - TP Hồ Chí Minh; Đường sắt Sài Gòn - Lộc Ninh... mở ra triển vọng to lớn về thị phần xây dựng của Công ty. Đây là cơ hội rất lớn, Công ty cần đầu tư, nắm bắt để đáp ứng nhu cầu xây dựng.

4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Việc Công ty cổ phần công trình 6 niêm yết trên thị trường chứng khoán sẽ góp phần nâng cao năng lực tài chính, khẳng định uy tín, thương hiệu của doanh nghiệp cũng như tăng cường tính thanh khoản, tạo điều kiện cho doanh nghiệp huy động vốn.

Tuy nhiên, rủi ro biến động giá cả cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là điều không tránh khỏi. Giá cả chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố. Giá cả biến động có thể là do cung - cầu cổ phiếu, tình hình kinh tế - xã hội hay sự thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư. Công ty cổ phần công trình 6 đã chủ động xây dựng và ban hành quyết định về quy trình công bố thông tin đối với một đơn vị niêm yết nhằm giúp khách hàng và nhà đầu tư có những thông tin tin cậy và chính xác về các hoạt động của Công ty.

5. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, địch họa... do thiên nhiên gây ra là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Ngoài ra, do đặc thù hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ vận tải hàng hóa nên Công ty cổ phần công trình 6 còn gặp một số rủi ro khác như rủi ro lãi suất, rủi ro bảo hiểm, vv...

PHẦN II:

**NHỮNG NGƯỜI
CHỊU TRÁCH NHIỆM
CHÍNH ĐỐI VỚI
NỘI DUNG
BẢN CÁO BẠCH**

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**Tổ chức niêm yết: Công ty cổ phần công trình 6**

Ông Lại Văn Quán	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT- Tổng Giám đốc
Ông Phạm Anh Tú	Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát
Ông Phan Anh Tuấn	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần chứng khoán FPT (FPTS)

Đại diện tổ chức tư vấn:	Ông Nguyễn Điệp Tùng
Chức vụ:	Tổng Giám Đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ xin đăng ký niêm yết cổ phiếu do Công ty cổ phần Chứng khoán FPT tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Công trình 6. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Công trình 6 cung cấp.

PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM

III. CÁC KHÁI NIỆM

UBCK	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
SGD HN	: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
UBND	: Ủy ban Nhân dân
Tổ chức niêm yết	: Công ty cổ phần Công trình 6
Công ty	: Công ty cổ phần Công trình 6
Công trình 6	: Công ty cổ phần Công trình 6
Điều lệ Công ty	: Điều lệ của Công ty Cổ phần công trình 6
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	: Hội đồng Quản trị
BKS	: Ban kiểm soát
BGD	: Ban giám đốc
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
XHCN	: Xã Hội Chủ Nghĩa
BGTVT	: Bộ giao thông vận tải
XN	: Xí nghiệp
VL&XL	: Vật liệu và xây lắp
TV	: Tà vẹt
BTDUL	: Bê tông dự ứng lực

PHẦN IV:

**TÌNH HÌNH & ĐẶC ĐIỂM
CỦA TỔ CHỨC
NIÊM YẾT**

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Quá trình hình thành và phát triển:

✚ Giai đoạn 1956 – 1975: Đội đường trực thuộc Tổng cục đường sắt Việt Nam:

Tiền thân của Công ty là đội đại tu đường thuộc Tổng cục đường sắt Việt Nam được thành lập tháng 03 năm 1956, là lực lượng chủ lực trong đại tu đường sắt tuyến Hà Nội - Lào Cai, Hà Nội - Lạng Sơn và đặt mới đường sắt Hà Nội - Thái Nguyên.

Năm 1960, Đội đại tu đường được đổi tên là Đội đường; Năm 1966 đổi thành Chi đội 6 và năm 1971 được đổi tên là Công ty đường 6. Nhiệm vụ của công ty giai đoạn này chủ yếu là nâng cấp cải tạo đường sắt các tuyến trên toàn miền Bắc, đảm bảo mạch máu giao thông đường sắt chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, vận chuyển chi viện cho miền Nam đánh Mỹ và thắng Mỹ. Năm 1972 đội 609 của công ty được phong tặng danh hiệu ANH HÙNG LAO ĐỘNG.

✚ Giai đoạn 1975 – 2003: Công ty Công trình 6

Khi cả nước độc lập thống nhất, Công ty đường 6 là một trong các đơn vị chủ lực khôi phục đường sắt Bắc – Nam, đơn vị chủ lực cải tạo đường sắt phía Tây. Công ty là đơn vị xây dựng đường sắt vào các trung tâm công nghiệp, các nhà máy lớn như: Nhà máy Sufe-phốt phát Lâm Thao, Nhà máy bê tông Đạo Tú, Nhà máy giấy Bãi Bằng, Nhà máy xi măng Bim Sơn, Bút sơn, Đường sắt Uông bí – Vàng danh. Với thành tích đạt được công ty nhận được nhiều phần thưởng cao quý của Đảng, Nhà nước.

Từ 1979 – 1980, đội 605 của công ty tham gia khôi phục đường sắt Nông Pênh- Công Pông Xom, Nông Pênh- Bát Tam Bạng giúp nước bạn Cam-pu-chia và được nước bạn tặng thưởng huân chương hữu nghị Ăng-Co.

Trong sự nghiệp đổi mới đất nước, Công trình 6 luôn là đơn vị đi đầu trong mọi lĩnh vực, tham gia các công trình trọng điểm kinh tế như xây dựng nhà máy Apatit (Lào Cai), đường sắt vành đai Hà Nội, nâng cấp đường sắt rút ngắn hành trình chạy tàu Bắc - Nam, thông tuyến hữu nghị Việt - Trung các tuyến phía Bắc và phía Tây.

Không chỉ bó hẹp trong thi công đường sắt, ngay từ giữa những năm 1970 - đầu 1980, Công ty đã phát triển sản xuất vật liệu xây dựng với các sản phẩm như gạch, vôi, xi măng, các kết cấu bê tông, phụ kiện cơ khí...

Đầu những năm 1990, Công ty đổi tên thành Công ty công trình 6 và đã đầu tư máy móc thiết bị để thi công các công trình đường bộ. Công ty tham gia các công trình trọng điểm

như bãi hàng Yên Viên, bãi hàng ga Lào Cai, Quốc lộ 14, quốc lộ 51 và đường Hồ Chí Minh.

Trong công cuộc khôi phục kinh tế và sự nghiệp đổi mới công ty được tặng thưởng nhiều huân chương lao động, huân chương độc lập hạng Nhất, Nhì, Ba và đặc biệt năm 1996 được phong tặng danh hiệu ANH HÙNG LAO ĐỘNG THỜI KỲ ĐỔI MỚI, năm 1998 được phong tặng danh hiệu ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VỮ TRANG.

🌟 Giai đoạn 2003 đến nay: Công ty Cổ phần Công trình 6

Thực hiện nghị quyết TW3 khóa 8 về việc đổi mới doanh nghiệp Nhà nước, các quyết định của Chính phủ và Bộ Giao thông vận tải, Công ty đã tiến hành cổ phần hoá. Công ty cổ phần Công trình 6 được thành lập theo quyết định 4446/2002 QĐ-BGTVT ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc "Chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty công trình 6, trực thuộc Liên hiệp đường sắt Việt Nam thành công ty cổ phần". Công ty cổ phần công trình 6 hoạt động theo luật doanh nghiệp từ 01 tháng 10 năm 2003.

Công ty cổ phần công trình 6 đã được Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 09 năm 2003, Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 14 tháng 01 năm 2008.

Trong điều kiện khó khăn song công ty vẫn ổn định và phát triển sau cổ phần hóa. Ghi nhận thành tích của công ty Năm 2006, công ty được Đảng Nhà nước tặng thưởng HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH. Có thể nói, trên chặng đường hơn 50 năm xây dựng – phát triển của mình Công ty Cổ phần công trình 6 bằng thành tích và có một truyền thống rất đồ sộ tự hào.

Bảng 1 – Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

Năm	Vốn điều lệ (đồng)	Mức tăng vốn điều lệ (đồng)	Hình thức tăng vốn
Tháng 9/ 2003	17.830.713.403		
Tháng 9/ 2005	21.117.500.000	3.286.786.600 <i>Trong đó:</i> 3.190.500.000 96.286.600	- Phát hành cho CBCNV, - Thanh lý tài sản không cần dùng
Tháng 6/ 2007	36.783.025.000	15.665.525.000 <i>Trong đó:</i>	

		2.745.275.000	- Trả cổ tức năm 2006
		4.945.820.000	- Phát hành cho cổ đông chiến lược
		7.974.430.000	- Phát hành cho cổ đông hiện hữu
Tháng 1/ 2008	40.835.205.000	4.052.180.000	Sáp nhập Công ty cổ phần đá Phú lý
Tháng 4/2009	42.334.010.000	1.498.805.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông cá nhân (7%)
Tháng 6/2009	44.374.010.000	2.040.000.000	Phát hành cho CBCNV

Trong đợt phát hành tăng vốn năm 2007, do chưa nắm rõ các quy định hiện hành của về chứng khoán và Thị trường chứng khoán, Công ty đã không đăng ký phát hành cổ phiếu với UBCKNN và không thực hiện phân phối chứng khoán, công bố thông tin về đợt phát hành. Và Công ty đã chấp hành quyết định số 78/QĐ-TT ngày 27/12/2007 của UBCKNN về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Chứng khoán và Thị trường chứng khoán đối với Công ty.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

Hiện nay Công ty đang hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- ✚ Xây dựng các công trình giao thông trong và ngoài nước (bao gồm: cầu, đường sắt, đường bộ, sân bay, bến cảng, cống, nhà ga, ke kè);
- ✚ Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, đường điện dưới 35KV;
- ✚ Đào đắp, san lấp mặt bằng công trình;
- ✚ Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu dân cư, khu đô thị;
- ✚ Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, kết cấu thép, cấu kiện bê tông đúc sẵn, bê tông nhựa;
- ✚ Buôn bán vật tư, phương tiện, thiết bị giao thông vận tải;
- ✚ Sửa chữa xe máy, thiết bị thi công công trình, sản xuất các sản phẩm cơ khí;
- ✚ Giám sát công trình do Công ty thi công;
- ✚ Kinh doanh thương mại, nhà khách, vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- ✚ Thí nghiệm vật liệu xây dựng;

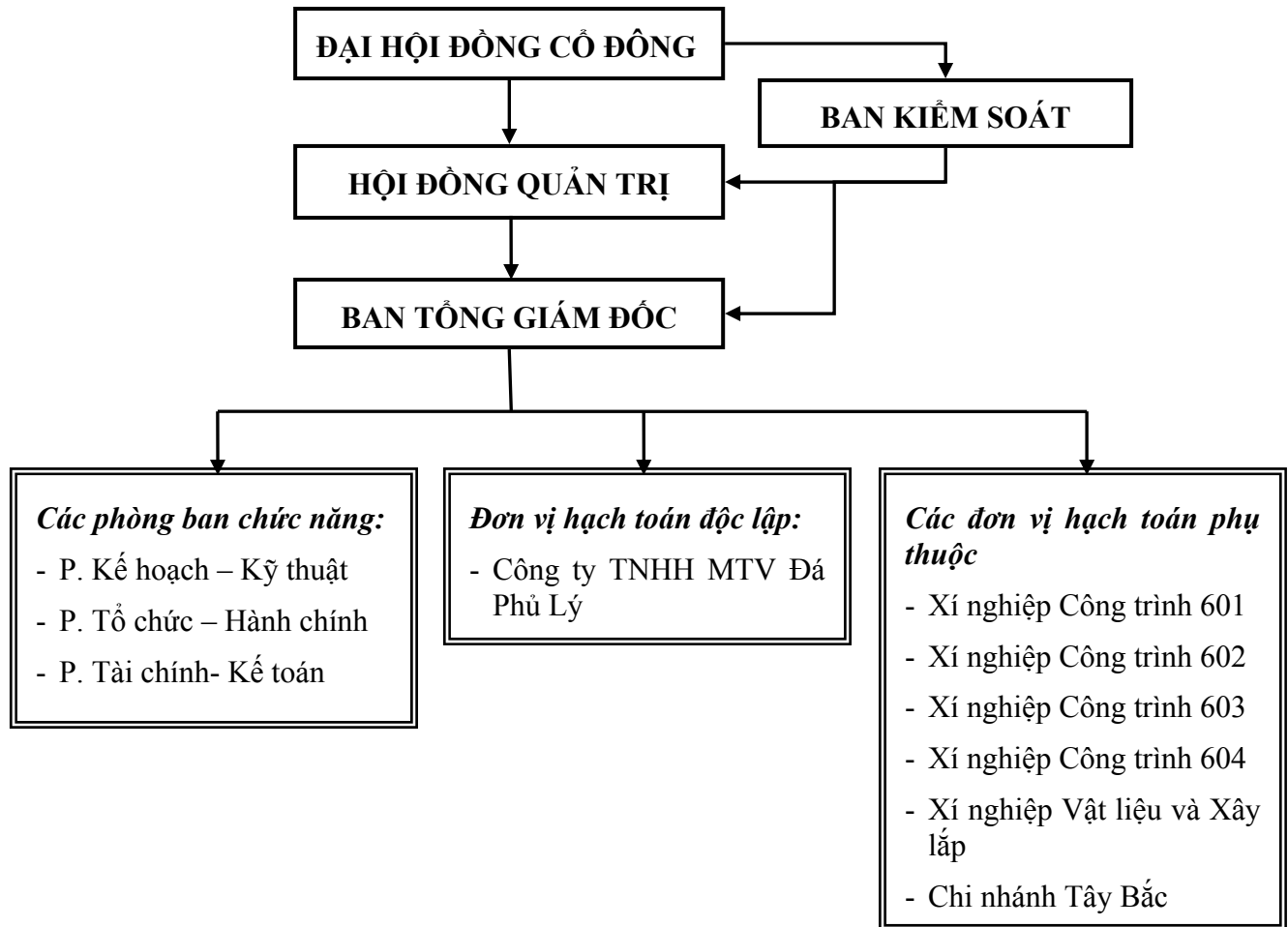
- ✚ Đại lý bán lẻ xăng dầu;
- ✚ Xây dựng công trình bưu điện;
- ✚ Cho thuê nhà kho, nhà xưởng sản xuất;
- ✚ Khai thác và chế biến đá (trừ loại đá Nhà nước cấm);
- ✚ Dịch vụ vận tải đường sắt và dịch vụ hỗ trợ vận chuyển đường sắt.

Bảng 2 – Thông tin chung về Công ty cổ phần Công trình 6

Tên công ty	Công ty cổ phần công trình 6
Tên tiếng Anh	Construction joint stock company no6
Tên viết tắt	JSCON06
Logo	
Người đại diện	Ông Lại Văn Quán – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Trụ sở	Tổ 36, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội
Điện thoại	(84 - 4) 3 883 2235/ 3 883 5681
Fax	(84 - 4) 3 883 2761
Website	http://www.ctcpct6.com.vn
Email	CTCPCT6@vnn.vn
Vốn điều lệ trên ĐKKD	47.918.775.000 VND
Vốn điều lệ thực góp tại 30/9/2009	44.374.010.000 VND

2. Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty

Sơ đồ 1- Cơ cấu tổ chức - quản lý Công ty



2.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần, do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn không quá 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo.

2.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, gồm ít nhất là 05 thành viên, nhiệm kỳ 5 năm, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền quyết định và chỉ đạo thực hiện đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty không thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông; chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi mặt hoạt động của Công ty.

Thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lại Văn Quán	Chủ tịch HĐQT – TGD
2	Ông Phạm Xuân Huy	Ủy viên HĐQT – Phó TGD
3	Ông Trần Hữu Hưng	Ủy viên HĐQT – Phó TGD
4	Ông Phan Anh Tuấn	Ủy viên HĐQT – Kế toán trưởng
5	Ông Ma Ngọc Yên	Ủy viên HĐQT – Phó TGD

Đại hội cổ đông thường niên 2007 đã nhất trí bầu Hội đồng quản trị bao gồm 5 thành viên đồng thời giữ các chức vụ trong Ban tổng giám đốc. Tháng 10 năm 2009, Công trình 6 đã ban hành quy chế quản trị phù hợp với quyết định 12/2007/QĐ-BTC ngày 13/3/2007 của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế quản trị Công ty niêm yết, các tổ chức niêm yết. Ngày 18/11/2009, Công ty đã có văn bản số 04/CV-HĐQT cam kết thực hiện Quy chế quản trị công ty niêm yết mới ban hành tại Đại hội cổ đông gần nhất.

2.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn, gồm có 3 hoặc 4 thành viên, nhiệm kỳ 5 năm. Thành viên Ban kiểm soát phải là Cổ đông của Công ty. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Hàng năm, Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao; Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị...

Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay gồm 3 thành viên :

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Phạm Anh Tú	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Ông Nguyễn Quốc Trung	Thành viên Ban Kiểm soát

2.4. Ban Tổng Giám đốc công ty

Ban Tổng giám đốc công ty gồm tổng giám đốc và các phó tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, nhiệm kỳ 5 năm.

Tổng giám đốc là người điều hành và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật; Xây dựng và trình Hội đồng quản trị kế hoạch hàng năm, kế hoạch trung hạn, dài hạn, định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, đơn giá tiền lương, tiền thưởng trong Công ty; Tổ chức thực hiện và kiểm tra các đơn vị trực thuộc, công ty con trong việc thực hiện các định mức, tiêu chuẩn, các quy chế quản lý trong nội bộ Công ty...

Ban Giám đốc công ty hiện nay gồm 5 thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lại Văn Quán	Tổng Giám đốc
2	Ông Phạm Xuân Huy	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Trần Hữu Hưng	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Ma Ngọc Yên	Phó Tổng Giám đốc

2.5. Các Phòng - Ban chức năng

Các phòng nghiệp vụ của Công ty gồm một trưởng phòng hoặc phó phòng phụ trách. Số lượng phó phòng và cán bộ, chuyên viên, nhân viên do Giám đốc quyết định tùy theo chức năng nhiệm vụ và quy mô công việc.

a) Phòng kế hoạch - kỹ thuật

- Giúp lãnh đạo Công ty thực hiện chức năng hoạch định kế hoạch, biện pháp kinh doanh quản lý sản xuất, thi công, quản lý xe máy, thiết bị và những tiến bộ khoa học kỹ thuật.
- Tiếp cận thị trường, tìm khách hàng, bảo đảm việc làm chung của Công ty.
- Nghiên cứu, lập hồ sơ dự thầu, tham mưu cho Giám đốc ký kết các hợp đồng kinh tế, hợp đồng thầu khoán, giao khoán cho Xí nghiệp.

- Lập kế hoạch tiến độ sản xuất hàng quý, năm giao cho các đơn vị và đơn đốc chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch của các đơn vị
- Xem xét trình lãnh đạo Công ty phê duyệt phương án thi công của các đơn vị.
- Chỉ đạo các xí nghiệp thi công đúng đề án thi công đã được duyệt, đảm bảo an toàn hành xa trong thi công.
- Có trách nhiệm kiểm tra và xử lý việc tuân thủ các quy trình, quy phạm trong thi công của các đơn vị thi công; Hướng dẫn và có biện pháp đảm bảo an toàn lao động và an toàn hành xa trong thi công.
- Tổng hợp báo cáo tiến độ các công trình trong toàn Công ty phục vụ họp giao ban hàng tuần.
- Xem xét đề nghị Giám đốc Công ty cho các đơn vị vay vốn phù hợp tiến độ khối lượng việc hoàn thành hàng tháng.
- Tham mưu cho Ban giám đốc Công ty về công tác khoa học kỹ thuật.
- Lập các dự án do Công ty đầu tư.
- Chuẩn bị giáo án học tập, đề thi và câu hỏi đối với các kỳ thi nâng bậc thợ.
- Lập hồ sơ mời thầu, phương án xét thầu hoặc chào giá đối với công tác mua sắm máy móc thiết bị; Xem xét, trình Giám đốc Công ty phê duyệt kế hoạch sửa chữa lớn máy móc thiết bị của các đơn vị.
- Đơn đốc chỉ đạo lập hồ sơ hoàn công, thanh quyết toán các công trình hoàn thành.
- Giải quyết các tồn tại trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ quyết toán đảm bảo điều kiện thanh toán, quyết toán và rút vốn kịp thời.
- Cùng các phòng nghiệp vụ giải quyết vụ giải quyết các nghiệp vụ cụ thể phát sinh khi có sự chỉ đạo của Giám đốc.

b) Phòng Tài chính - kế toán:

- Giúp lãnh đạo Công ty thực hiện chức năng giám đốc quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện đúng các chế độ, chính sách về công tác tài chính kế toán, sử dụng có hiệu quả nguồn lực tài chính để đảm bảo sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả.
- Đảm bảo vốn cho các đơn vị sản xuất kinh doanh theo kế hoạch Công ty giao
- Nắm chắc và báo cáo Giám đốc thường xuyên, kịp thời chính xác tình hình tài chính của công ty.

- Lập kế hoạch tài chính hàng quý, năm, và có biện pháp đảm bảo cho việc thực hiện kế hoạch sản xuất, đời sống, đầu tư của Công ty.
- Hướng dẫn kiểm tra các đơn vị (phòng ban và các xí nghiệp) thực hiện việc chi tiêu đúng chế độ chính sách, đúng quy chế.
- Hướng dẫn các đơn vị thực hiện đúng các chế độ kế toán thống kê từ việc thiết lập hệ thống chứng từ đến trình tự thanh toán, kế toán, quyết toán.
- Hướng dẫn các Chi nhánh, Xí nghiệp và phòng Tài chính - kế toán lập sổ sách, báo cáo hàng quý và các báo cáo tài chính kế toán đúng luật định.
- Thường xuyên kiểm tra các đơn vị và chịu trách nhiệm giải trình chứng minh số liệu, sổ sách, phương pháp hạch toán kế toán ở các đơn vị và Công ty trước các cơ quan tài chính thuế vụ, các đoàn kiểm tra, kiểm toán.
- Ủy viên thường trực hội đồng kiểm kê hoặc định giá tài sản cố định và các tài sản khác.
- Kế toán trưởng, trưởng phòng kế toán có quyền chấp nhận hay không chấp nhận các chỉ tiêu tài chính không đúng chế độ chính sách, có thể xuất toán hoặc yêu cầu đơn vị, cá nhân khắc phục sai phạm. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Giám đốc công ty, trước pháp luật về việc tổ chức hệ thống hạch toán kế toán từ xí nghiệp, phòng ban của Công ty.
- Đối chiếu với khách hàng, hàng kỳ theo đúng quy định.
- Tham gia cùng các phòng nghiệp vụ khác giải quyết các nhiệm vụ thường xuyên và không thường xuyên khi Giám đốc yêu cầu.

c) Phòng Tổ chức - Hành chính:

- Giúp Giám đốc quản lý trong công tác đào tạo, tuyển dụng và sử dụng nguồn nhân lực, công tác quân sự, tự vệ và y tế, giáo dục và công tác quản trị hành chính.
- Tham mưu giúp lãnh đạo về kế hoạch đào tạo và tuyển dụng cán bộ, công nhân viên hàng năm, quản lý hồ sơ nhân lực.
- Tham mưu giúp lãnh đạo sắp xếp cán bộ và lực lượng lao động phù hợp khả năng và yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh, từng phòng và từng chi nhánh, xí nghiệp.
- Làm thư ký các cuộc họp bàn về nhân sự và thảo quyết định liên quan đến công tác nhân sự kể cả thuyên chuyển, hưu trí, sa thải và kỷ luật lao động, kỷ luật hành chính.
- Lập kế hoạch, kiểm tra chỉ đạo các xí nghiệp thực hiện kế hoạch về công tác bảo hộ lao động, công tác an toàn lao động vệ sinh môi trường.

- Thực hiện công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho CBCNV, khám điều trị thông thường, khám sức khỏe định kỳ, khám chữa bệnh nghề nghiệp và các biện pháp vệ sinh dịch tễ; Tham mưu cho lãnh đạo tham gia các loại hình bảo hiểm có lợi cho người lao động.
- Chủ trì giải quyết các vụ tai nạn lao động, thực hiện các chế độ theo luật định cho người lao động và các chế độ khác mà người lao động được hưởng.
- Tham mưu cho lãnh đạo về công tác thi đua, khen thưởng: hình thức, mức độ khen thưởng, kỷ luật đối với tập thể cá nhân.
- Xây dựng các phương án phân phối lương, thưởng, hướng dẫn các đơn vị trong Công ty thực hiện phân phối đúng quy chế. Tập hợp tình hình sử dụng lao động, quỹ tiền lương ở các xí nghiệp và cả Công ty từng tháng, quý, năm.
- Lập kế hoạch và tổ chức các lớp học nghiệp vụ, các thi nâng bậc.
- Quản lý sử dụng, điều hành các trang thiết bị, nhà cửa, phương tiện đi lại thuộc quản lý của văn phòng Công ty.
- Thực hiện các quy định của pháp luật về tổ chức hệ thống quân sự, tự vệ, bảo vệ Công ty.
- Tổ chức, đảm bảo các điều kiện, phương tiện đi lại, làm việc và công tác hậu cần cho các cuộc họp, các hội nghị của Công ty.
- Giải quyết các thủ tục hành chính cho CBCNV chuyển đến, chuyển đi.
- Tiếp nhận đơn thư của CBCNV và tổ chức cá nhân ngoài Công ty giải quyết hoặc trình lãnh đạo Công ty giải quyết các ý kiến đó theo khả năng và sự uỷ quyền của lãnh đạo.
- Giúp lãnh đạo đăng tin, quảng cáo tuyên truyền về Công ty.
- Tiếp nhận, lưu trữ công văn, giấy tờ từ ngoài gửi đến, từ Công ty gửi đi và trong nội bộ Công ty theo đúng quy định của ngành văn thư lưu trữ.
- Cùng các phòng nghiệp vụ giải quyết các công việc cụ thể khác khi có yêu cầu của lãnh đạo.

d, Các xí nghiệp thành viên

- Các chi nhánh, xí nghiệp thành viên là một bộ phận của Công ty, hạch toán kinh doanh phụ thuộc Công ty. Lãnh đạo và cơ cấu bộ máy chuyên viên giúp việc cũng như quy mô của chi nhánh, xí nghiệp do Công ty quyết định, thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và các nhiệm vụ khác theo kế hoạch và sự chỉ đạo của Công ty.

- Mỗi chi nhánh, xí nghiệp có Giám đốc, Phó giám đốc, Phụ trách kế toán, thủ quỹ, nhân viên kinh tế kỹ thuật, vật tư thiết bị với số lượng tùy theo quy mô, nhiệm vụ của xí nghiệp.
- Chức năng nhiệm vụ cụ thể:
 - Thi công đúng thiết kế, đúng biện pháp thi công đã được duyệt, đảm bảo tiến độ, kỹ thuật, chất lượng đúng theo hợp đồng giao khoán đã ký với Công ty.
 - Tuyệt đối tuân thủ đúng, đủ các quy trình, quy phạm và công nghệ sản xuất tiêu chuẩn, nếu sai phạm phải bồi thường và phải chịu kỷ luật hoặc bị truy tố.
 - Tổ chức công tác an toàn trong sản xuất, thi công: an toàn lao động, an toàn hành xa. Có biện pháp phòng chống, khắc phục thiên tai và biện pháp vệ sinh an toàn lao động.
 - Được chủ động mua các vật tư, vật liệu dụng cụ sản xuất, các trang bị khác theo quy chế mua sắm của Công ty và phải tuân thủ theo nguyên tắc quản lý tài chính, phải tự chịu trách nhiệm về hoạt động mua sắm đó.
 - Được chủ động thuê mướn lao động, phương tiện máy móc thiết bị, tuân thủ theo quy chế giao khoán của Công ty.
 - Được chủ động chi trả lương, thưởng không trái với quy chế của Công ty.
 - Được tổ chức bộ máy quản lý cũng như bố trí lao động cho phù hợp với công việc; Được hạch toán công trình theo quy chế.
 - Lãnh đạo chi nhánh, xí nghiệp chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty và trước pháp luật về các mặt: tổ chức sản xuất, đời sống cũng như các mặt quản lý kinh tế, xã hội và các hoạt động khác tại đơn vị mình.
 - Được chủ động liên hệ tìm kiếm việc làm, được Công ty uỷ quyền ký kết hợp đồng làm thầu hoặc thầu phụ, được Công ty bảo lãnh cũng như tạo điều kiện để thực hiện các hợp đồng ký kết tuân thủ theo quy chế khoán của Công ty.
- Các Trưởng phòng, Giám đốc chi nhánh, xí nghiệp căn cứ chức năng quyền hạn của mình phân công công việc cụ thể cho từng các bộ nhân viên từ cấp phó của mình trở xuống nhằm đảm bảo hoàn thành công việc của đơn vị mình đáp ứng yêu cầu của Công ty và phải chịu trách nhiệm cao nhất về mọi mặt công tác diễn ra trong đơn vị mình.

STT	Xí nghiệp	Địa chỉ
1	Xí nghiệp Công trình 601	Tổ 36 - Thị trấn Đông Anh - Hà Nội
2	Xí nghiệp Công trình 602	Tổ 36 - Thị trấn Đông Anh - Hà Nội
3	Xí nghiệp Công trình 603	Tổ 36 - Thị trấn Đông Anh - Hà Nội
4	Xí nghiệp Công trình 604	143A Đường Ung Văn Khiêm - P25 - Q.Bình Thạnh - T.P Hồ Chí Minh
5	Chi nhánh Tây Bắc - CTCT6	
6	Xí nghiệp Vật liệu và Xây lắp	Ga Cổ Loa - Thị trấn Đông Anh - Hà Nội

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ; Danh sách cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông

Bảng 3 - Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ tại ngày 15/12/2009

TT	Cổ đông	Số Đăng ký kinh doanh	Địa chỉ	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)	% VĐL
1	Tổng công ty đường sắt Việt Nam	113642	118 Lê Duẩn, Hà Nội	1.940.775	19.407.750.000	43,74

(Nguồn: Công ty cổ phần công trình 6)

Bảng 4 - Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 15/12/2009

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
Trong nước					
1	Tổ chức	1	1.940.775	19.407.750.000	43,74
2	Cá nhân	597	2.494.626	24.946.260.000	56,22
Ngoài nước					
		0	0	0	0
Cổ phiếu quỹ		1	2.000	20.000.000	0,04
Tổng			4.437.401	44.374.010.000	100

(Nguồn: Công ty Cổ phần Công trình 6)

Ghi chú: Đại diện phân vốn góp của tổ chức:

- Ông Lại Văn Quán là đại diện phân vốn góp của Tổng công ty đường sắt Việt Nam.

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

4.1. Danh sách Công ty mẹ, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

4.2. Danh sách công ty con, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

Công ty TNHH MTV Đá Phú Lý

Trụ sở chính: xã Châu Sơn, thị xã Phú Lý, tỉnh Hà Nam.

Vốn thực góp: 4.504.945.023 đồng

Tỷ lệ sở hữu: 100%

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Khai thác – chế biến đá sản xuất vật liệu xây dựng;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Vận tải hàng hóa đường bộ, đường sắt.

4.3. Danh sách công ty liên doanh, liên kết với tổ chức niêm yết

Không có

5. Hoạt động kinh doanh

5.1. Sản phẩm/ Dịch vụ

Công trình 6 thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh trên 3 mảng chính là Thi công xây lắp, bán hàng và cung cấp dịch vụ. Trong đó, hoạt động thi công xây lắp mang lại doanh thu có tỷ trọng lớn nhất (luôn chiếm khoảng trên 70% đến 80% tổng doanh thu).

✚ Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông đường bộ và đường sắt

Trong thời gian qua Công trình 6 đã thực hiện hàng loạt công trình xây dựng cơ sở hạ tầng lớn.

- Các công trình đường sắt như:

- Gói thầu số 02/KV3: gia cố nền đường các đoạn Km 1241+250 - Km 1241+450; Km 1582+212 - KM 1582+512; Km 1585+700 - Km 1587+850; Km 1594+450 - KM 1594+751; Cống + đường Km 1572+741; Km 1656+710; Km 1567+447 tuyến Đường sắt Thống Nhất

Tổng giá trị thực hiện: 10.135.000.000 đồng

- Công trình thay ray P43/TVBT K3A-Cóc đàn hồi Km 1096+164 - Km 1110+500 tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh

Tổng giá trị thực hiện: 29.440.266.000 đồng

- Công trình thay TVG bằng TVBT lồng đoạn Km 44+000 - Km 64+000 và thay TVG mục bằng TVG tận dụng cho các đường ga: Gia Lâm, Yên Viên Nam, Từ Sơn, Lim, Thị Cầu, Sen Hồ, Bắc Giang và Phố Tráng.

Tổng giá trị gói thầu: 35.596.270.000 đồng

- Công trình thay tà vẹt bê tông lồng đoạn Km 120+500 - Km 149+668 và thay tà vẹt tận dụng cho các ga: Bắc Thủy, Bản Thí, Yên Trạch, Lạng Sơn Tuyến đ/s Hà Nội – Lạng Sơn.

Tổng giá trị gói thầu: 76.044.318.739 đồng

- Công trình đường sắt khu gian Lán Tháp - Khe Thần thuộc dự án: Đường sắt CK2 - Lán Tháp

Tổng giá trị gói thầu: 13.941.428.240 đồng

- Các công trình đường bộ như:

- Công trình Đường Hồ Chí Minh giai đoạn 1 phân đoạn Km243+00 - Km247+700

Tổng giá trị gói thầu: 38.048.584.741 đồng

- Công trình Đường Hồ chí Minh - Phân đoạn Km247+689 - Km251+758

- Tổng giá trị gói thầu: 17.238.074.415 đồng
- Công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km 2019+000 - Km 2025+561.64
- Tổng giá trị thực hiện: 30.260.000.000 đồng
- Công trình xây dựng cầu và đường đoạn tuyến Km 100+000 - Km 134+580 thuộc dự án Xây dựng tuyến đường nam sông Hậu
- Tổng giá trị hợp đồng: 125.133.341.000 đồng
- Công trình đoạn tuyến nối từ nút giao chùa Phước Lâm - nút giao Đồng Tâm Km 1971+700 QL1A thuộc dự án: Xây dựng đường ô tô cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Trung Lương (giai đoạn 1)
- Tổng giá trị hợp đồng: 58.571.831.000 đồng
- Công trình: Cải tạo nâng cấp Quốc lộ 2 thuộc dự án Cải tạo nâng cấp QL2 đoạn Đền Hùng - Đọan Hùng
- Tổng giá trị hợp đồng: 18.436.849.246 đồng

Với bề dày kinh nghiệm cũng như năng lực thi công các công trình lớn đã được minh chứng qua thực tế, Công trình 6 hiện là một trong những nhà thầu có năng lực cao, sáng giá trong lĩnh vực hạ tầng giao thông đường sắt cũng như đường bộ.

Hình ảnh một số công trình thi công của Công trình 6





✚ Sản xuất cầu kiện bê tông đúc sẵn và vật liệu xây dựng

Bên cạnh hoạt động thi công xây lắp, hoạt động bán hàng cũng mang lại doanh thu tương đối lớn, chiếm từ 15% đến 25% doanh thu của Công ty và có xu hướng tăng liên tục qua các năm.

Ngoài bán sản phẩm hàng hóa từ hoạt động khai thác đá của Công ty TNHH MTV Đá Phủ Lý, Công trình 6 còn là một trong những đơn vị hàng đầu cung cấp tà vẹt bê tông các loại với truyền nhà máy đặt tại Tổ 36 Thị trấn Đông Anh, Hà Nội

Tổng diện tích: trên 33.000 m² (khu Xí nghiệp vật liệu và xây lắp)

Tổng mức đầu tư: 15 tỷ đồng

Quy mô thiết kế: 250.000 thanh/năm

- Tà vẹt bê tông cốt thép đường lồng loại "TL23 -15W"

- Phối kiện kẹp ray dùng phối kiện đàn hồi của Trung quốc
- Lắp với loại ray P43
- Tải trọng thiết kế:
 - + Đường khổ 1m: 16 Tấn/trục
 - + Đường khổ 1,435m: 23 Tấn/trục
- Vận tốc tính toán V_{max} : 70 Km/h
- Cho phép đặt được ở đường cong có $R_{min} > 350m$



- Tà vẹt bê tông dự ứng lực dùng cho đường lồng khổ đường 1435 mm và 1000 mm loại "LDP" dùng phụ kiện liên kết Pandrol

- Phối kiện kẹp ray dùng phối kiện đàn hồi PANDROL loại "e 2007"
- Lắp với loại ray P50
- Tải trọng thiết kế:
 - + Đường khổ 1m: 16 Tấn/trục
 - + Đường khổ 1,435m: 23 Tấn/trục
- Vận tốc tính toán V_{max} : 120 Km/h
- Cho phép đặt được ở đường cong có $R_{min} > 350m$
- Đáp ứng các yêu cầu về cách điện



- Tà vệt bê tông dự ứng lực dùng cho đường lồng khổ 1435 mm và 1000 mm loại "LW" dùng phụ kiện liên kết kiểu W Trung quốc
 - Phối kiện kẹp ray dùng loại ω của trung quốc, neo đinh ốc – bu lông vào tà vệt bằng lõi nhựa xoắn
 - Lắp được các loại ray P43 và P50
 - Tải trọng thiết kế:
 - + Đường khổ 1m: 16 Tấn/trục
 - + Đường khổ 1,435m: 23 Tấn/trục khi dùng ray P50 và 21 Tấn/trục khi dùng ray P43
 - Vận tốc tính toán V_{max} : 120 Km/h
 - Cho phép đặt được ở đường cong có $R_{min} \leq 350m$
 - Đáp ứng các yêu cầu về cách điện
- Tà vệt bê tông dự ứng lực khổ đường 1000mm loại "TN1"



- Phối kiện kẹp ray dùng loại w của Trung Quốc, neo đinh ốc – bu lông vào tà vệt bằng lõi nhựa xoắn
- Lắp được các loại ray P43 và P50
- Tải trọng thiết kế: 150 kN/trục
- Vận tốc tính toán V_{max} : 120 Km/h
- Cho phép đặt được ở đường cong có $R_{min} \leq 350m$
- Đáp ứng các yêu cầu về cách điện



Bảng 5 - Tỷ trọng sản phẩm dịch vụ qua các năm trên tổng doanh thu

Đơn vị: đồng

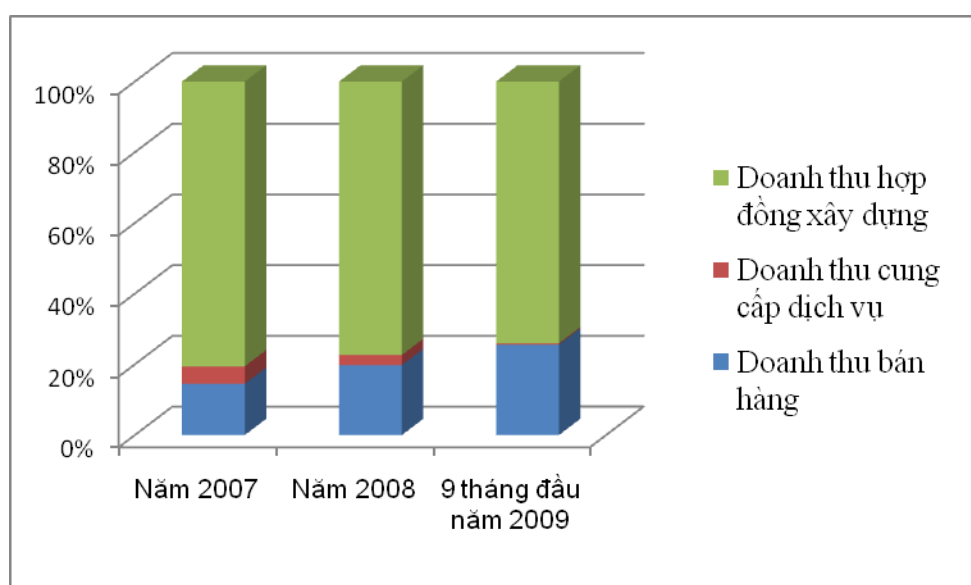
T T	Tên sản phẩm	Năm 2007		Năm 2008		9 tháng đầu năm 2009	
		Giá trị	% DT	Giá trị	% DT	Giá trị	% DT
1	Doanh thu bán hàng	16.523.344.561	14,51	35.834.1176.609	19,80	38.229.014.316	25,59
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.625.261.148	4,94	5.168.458.276	2,86	509.617.473	0,34
3	Doanh thu hợp đồng xây dựng	91.759.349.235	80,56	140.018.860.141	77,35	110.652.715.007	74,07
Tổng		113.907.954.962	100	181.021.435.026	100	149.391.346.796	100

(Nguồn: Công ty cổ phần công trình 6)

Ghi chú: Doanh thu cung cấp dịch vụ của Công ty bao gồm Doanh thu từ hoạt động thí nghiệm, doanh thu từ cho thuê bất động sản và doanh thu từ cho thuê máy móc thiết bị. Toàn bộ doanh thu từ hoạt động cho thuê bất động sản và cho thuê máy móc thiết bị được ghi nhận vào quý 4 do vậy Doanh thu cung cấp dịch vụ 9 tháng đầu năm thấp (chỉ đạt 509,6 triệu VND)

Biểu 1- Tỷ trọng sản phẩm qua các năm

Đơn vị tính: %



(Nguồn: Công ty cổ phần công trình 6)

5.2. Nhà cung cấp

Các nhà cung cấp

Nguyên vật liệu đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công trình 6 là các loại ray, phụ kiện đường sắt, đá, nhựa đường, sắt thép, xi măng, xăng dầu... Do đặc điểm các công trình thi công của Công ty trải khắp 3 miền Bắc, Trung, Nam nên Công ty không chủ trương chọn một nhà cung cấp nguyên vật liệu cụ thể nào. Công ty lựa chọn các đơn vị cung cấp dựa trên sự chào giá cạnh tranh tại địa điểm thi công.

Bảng 6 - Danh sách các nhà cung cấp

STT	Nhà cung cấp	Hàng hóa/Dịch vụ
1	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu vật tư thiết bị đường sắt Hà Nội (VIRASIME)	Ray, phụ kiện đường sắt
2	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu vật tư thiết bị đường sắt Đà Nẵng	Ray, phụ kiện đường sắt
3	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu vật tư thiết bị đường sắt Sài Gòn	Ray, phụ kiện đường sắt
4	CTCP Đá Đồng Mô	Đá các loại thi công công trình
5	CTCP Đá Chu Lai	Đá các loại thi công công trình
6	Xí nghiệp đá Hoàng Mai	Đá các loại thi công công trình
7	CTCP Đá Mỹ Trang	Đá các loại thi công công trình
8	CTCP Vật liệu và xây dựng đường sắt phía Nam	Đá các loại thi công công trình
9	Doanh nghiệp tư nhân Vĩnh Phong	Đá các loại thi công công trình và xi măng, sắt thép, xăng dầu
10	Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Hải	Đá các loại thi công công trình và xi măng, sắt thép
11	Công ty xăng dầu KV 1, 2, 3	Xăng dầu
12	Công ty CP đầu tư và xây dựng thương mại quốc tế (ICT)	Nhựa đường
13	Công ty vận tải hành khách, vận tải hàng hoá	Dịch vụ vận chuyển
14	Công ty cơ khí đường sắt Đông Anh, Cơ khí	Sản phẩm cơ khí, phụ kiện

	đường sắt Đà Nẵng, Công ty cao su đường sắt	đường sắt
15	Công ty công nghệ phẩm Đà Nẵng	Xi măng, sắt thép
16	Công ty TNHH Thương mại Huy Hà	Xi măng, sắt thép
17	Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Vạn Thành	Xi măng, sắt thép
18	CTCP nhựa Nhiệt Đới	Nhựa, cao su
19	XN cơ khí và sửa chữa xe máy 143 – Công ty 49 Bộ Quốc Phòng	Sửa chữa, đại tu máy móc thiết bị thi công
20	Công ty TNHH Hoà An Ưông Bí	Vật liệu xây dựng
21	Công ty cổ phần Alphanam	Máy móc thiết bị, thép dự ứng lực
22	CPCP Nhật Phát	Phụ tùng, máy móc thiết bị

Nguồn: Công ty Cổ phần công trình 6

Bảng 7- Các Ban quản lý dự án, chủ đầu tư, các công trình do Công ty thi công

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1.	Ban QLDA Đường sắt Khu vực I	120 Lê Duẩn, Hà Nội
2.	Ban QLDA Đường sắt Khu vực II	83 Trần Cao Vân, Đà Nẵng
3.	Ban QLDA Đường sắt Khu vực III	136 Hàm Nghi, P.Bến Thành, Q.1, T.P HCM
4.	Ban quản lý các dự án Đường sắt (RPMU)	95 – 97 Lê Duẩn, Hà Nội
5.	Ban quản lý dự án Cục đường sắt Việt Nam	Cầu Giấy, Hà Nội
6.	Ban QLDA Đường Hồ Chí Minh	Tòa nhà COMA, số 125D (ngõ Hòa Bình 6), Phố Minh Khai, P.Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội.
7.	Phân ban quản lý cơ sở hạ tầng đường sắt KV1	Tầng 6, 95 -97 Lê Duẩn, Hà Nội
8.	Phân ban quản lý cơ sở hạ tầng đường sắt KV2	83 Trần Cao Vân, Đà Nẵng
9.	Phân ban quản lý cơ sở hạ tầng đường sắt KV3	số 136 Hàm Nghi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
10.	Ban an toàn giao thông đường sắt	Lê Duẩn, Hà Nội
11.	Ban QLDA Mỹ Thuận	Số 127B Đinh Tiên Hoàng, Bình Thạnh, TP. HCM
12.	Ban QLDA 1	308 Minh Khai - Q.Hai Bà Trưng - Hà Nội
13.	Bản QLDA 6	278-Tôn Đức Thắng - Đống Đa - Hà Nội
14.	Ban QLDA Thăng Long	Xóm 2, phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, Hà Nội.
15.	Công ty TNHH 1 thành viên than Uông Bí (TKV)	Phường Trung Vương - thị xã Uông Bí - Quảng Ninh
16.	Công ty Than Vàng Danh	Phường Vàng Danh, thị xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh

✚ Sự ổn định của nguồn cung cấp:

Các nhà cung cấp nguyên vật liệu cho Công ty là những doanh nghiệp có uy tín lâu năm trên thị trường. Trên cơ sở khảo sát thị trường, Công ty đã cung cấp đầy đủ thông tin về nguyên vật liệu cần sử dụng, tập hợp đánh giá khả năng cung cấp sản phẩm của các nhà cung ứng, lựa chọn nhà cung ứng phù hợp và thực hiện việc ký hợp đồng và kiểm soát quá trình thực hiện hợp đồng.

Việc lựa chọn, đánh giá nhà cung cấp được thực hiện thường xuyên, phù hợp với từng dự án đảm bảo nguyên vật liệu được cung cấp ổn định, đầy đủ, đạt yêu cầu về chất lượng, đặc tính kỹ thuật, có chứng chỉ xuất xứ hàng hoá rõ ràng. Công ty thực hiện việc thanh toán đúng hạn cho nhà cung cấp, giúp họ an tâm thực hiện cung cấp theo đúng hợp đồng đã ký kết.

✚ Ảnh hưởng của giá cả nguyên – nhiên vật liệu đầu vào tới doanh thu và lợi nhuận

Các nguyên vật liệu chủ yếu được sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công trình 6 gồm đá, xi măng, sắt, thép... Chi phí nguyên vật liệu luôn chiếm tỷ trọng cao trong tổng chi phí giá thành các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ của Công ty (chiếm trên 60% đối với hàng hóa sản xuất công nghiệp, khoảng trên 65% đối với các hợp đồng thi công)

Sự biến động giá cả nguyên vật liệu theo chiều hướng gia tăng trong thời gian ngắn, sẽ làm cho kinh phí đầu tư của các chủ đầu tư tăng theo. Điều này ảnh hưởng đến chi phí đầu vào nói riêng cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn ngành thi công, xây dựng.

Là một công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, chi phí sản xuất của Công ty chịu nhiều ảnh hưởng bởi sự biến động giá cả vật liệu xây dựng như đá, sắt thép, xi măng, v.v... Khi giá cả vật liệu xây dựng tăng đột biến sẽ nhanh chóng tác động đến giá cả các yếu tố đầu vào của Công ty, đẩy chi phí lên cao đối với những hợp đồng thi công dài hạn đã ký, điều này có thể gây ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Giá cả nguyên vật liệu như sắt thép, xi măng... không ngừng biến động trong năm 2008 và tăng mạnh vào đầu năm 2009 đã gây không ít khó khăn cho Công trình 6 trong việc quản lý chi phí giá thành. Đây cũng là nguyên nhân chính khiến tỷ trọng giá vốn trên doanh thu có xu hướng tăng mạnh trong 9 tháng năm 2009 (từ 87,17% vào 2008 lên 89,51% trong 9 tháng năm 2009)

5.3. Chi phí sản xuất

Bảng 8 - Cơ cấu chi phí sản xuất trên doanh thu

Đơn vị: đồng

CHI PHÍ	Năm 2007		Năm 2008		9 tháng năm 2009	
	GT	%/DT	GT	%/DT	GT	%/DT
Giá vốn hàng bán	100.798.652.809	88,49	157.790.594.651	87,17	133.721.545.362	89,51
Chi phí bán hàng	53.893.478	0,05	4.093.206.634	2,26	3.620.055.965	2,42
Chi phí quản lý	3.974.117.903	3,49	6.932.584.149	3,83	4.704.791.578	3,15
Tổng cộng	104.826.664.190	92,03	168.816.385.434	93,26	142.046.392.905	95,08

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2007, 2008 và BCTC hợp nhất Quý III/ 2009)

5.4. Ứng dụng công nghệ mới, đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ kinh doanh

Ngay từ những ngày đầu hoạt động, Công trình 6 đã luôn chú trọng đầu tư mua sắm các tài sản cố định phục vụ sản xuất kinh doanh một cách tốt nhất. Điển hình, Công ty mới đưa vào sử dụng dây chuyền sản xuất tà vẹt bê tông dự ứng lực do hãng Rannalah thuộc Vương quốc Anh sản xuất, lắp đặt và chuyển giao công nghệ dùng để sản xuất các loại TVBT dự ứng lực liên khối theo phương pháp kéo ứng suất trước. Dây chuyền được cơ giới hoá với mức độ vừa phải ở những khâu quan trọng phù hợp với điều kiện sản xuất và sử dụng nhân lực của Công ty.

Bảng 9 - Một số thiết bị, phương tiện phục vụ sản xuất kinh doanh

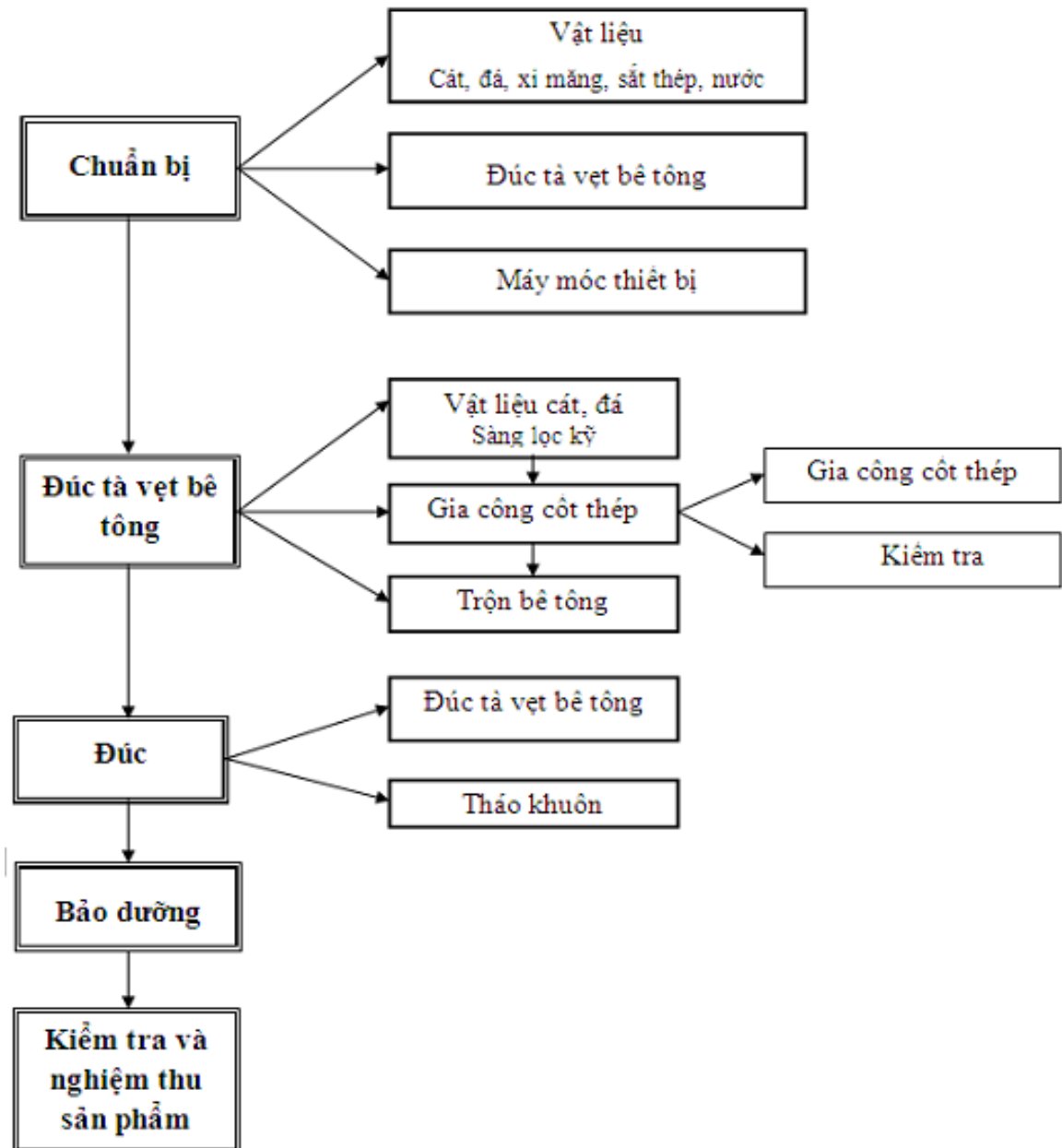
STT	Máy móc thiết bị	Số lượng	Công suất	Xuất xứ	Nguyên giá	Giá trị còn lại
1.	Máy đóng cọc DH 408-95M	1		Hàn Quốc	4.129.921.429	3.589.098.388
2.	Máy rải thảm Volgel (80XA-0411)	1	300 tấn/giờ	Đức	2.788.574.285	197.653.366
3.	Trạm trộn BTNN Apaphan 40 tấn/giờ	1	40 tấn/giờ	Việt Nam	2.398.726.579	-
4.	Máy đào bánh lốp HUYNDAI MD R170W-7 80LA-0744	1	116 HP	Hàn Quốc	1.279.456.431	531.329.809
5.	Máy đào bánh xích HUYNDAI MD R210LC-7	1	145 HP	Hàn Quốc	1.220.744.190	506.947.927

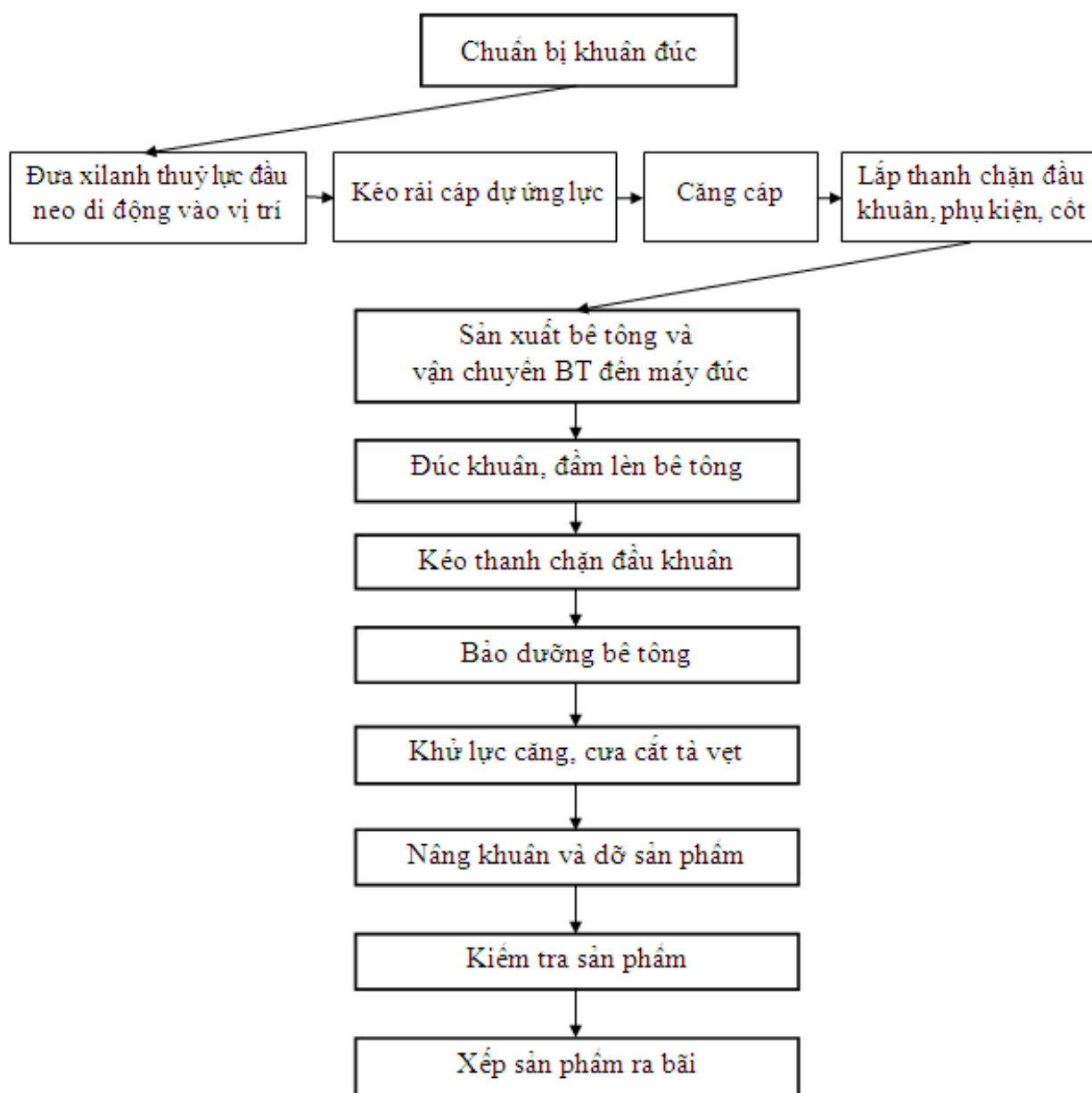
6.	Máy đào bánh xích HUYNDAI MD R210LC- 7(80XA-0403)	1	145 HP	Hàn Quốc	1.220.744.190	506.947.927
7.	Máy đào bánh lốp HUYNDAI MD R140W-7 (80LA-0740)	1	106 HP	Hàn Quốc	1.168.561.191	485.277.482
8.	Xe ô tô HUYNDAI tự đồ 29Y-3459	1	15 tấn	Hàn Quốc	913.863.166	670.166.334
9.	Xe ô tô HUYNDAI tự đồ 29Y-3943	1	15 tấn	Hàn Quốc	913.863.166	670.166.334
10.	Xe ô tô tự đồ 15 tấn DAEWOO 29 X 1013	1	15 tấn	Hàn Quốc	879.835.692	366.692.415
11.	Xe ô tô tự đồ 15 tấn DAEWOO 29 X -1014	1	15 tấn	Hàn Quốc	879.835.692	366.692.414
12.	Hệ thống khuôn TVBT Dự ứng lực	1		Việt Nam	840.051.632	198.012.152
13.	Trạm trộn bê tông xi măng 60m3/h	1	60m3/h	Hàn Quốc	835.940.239	519.844.778
14.	Xe ô tô ISUZU TROPER 29 X – 1528	1		Việt Nam	750.143.786	344.831.728
15.	Xe ô tô HUYNDAI 15 tấn 30H-6560	1	15 tấn	Hàn Quốc	747.125.398	539.590.558
16.	Xe ô tô HUYN DAI 15 tấn 30H-6419	1	15 tấn	Hàn Quốc	747.125.398	539.590.558
17.	Máy ủi xới B10.1111.1EN 80XA-0404	1	180 ML	Nga	723.809.524	254.841.281
18.	Máy ủi xới B10.1111.1EN 80XA-0405	1	180 ML	Nga	723.809.524	254.841.281
19.	Máy xúc KOBELLco SK200-3 (80XA-0407)	1	180 ML	Nhật	642.092.000	-

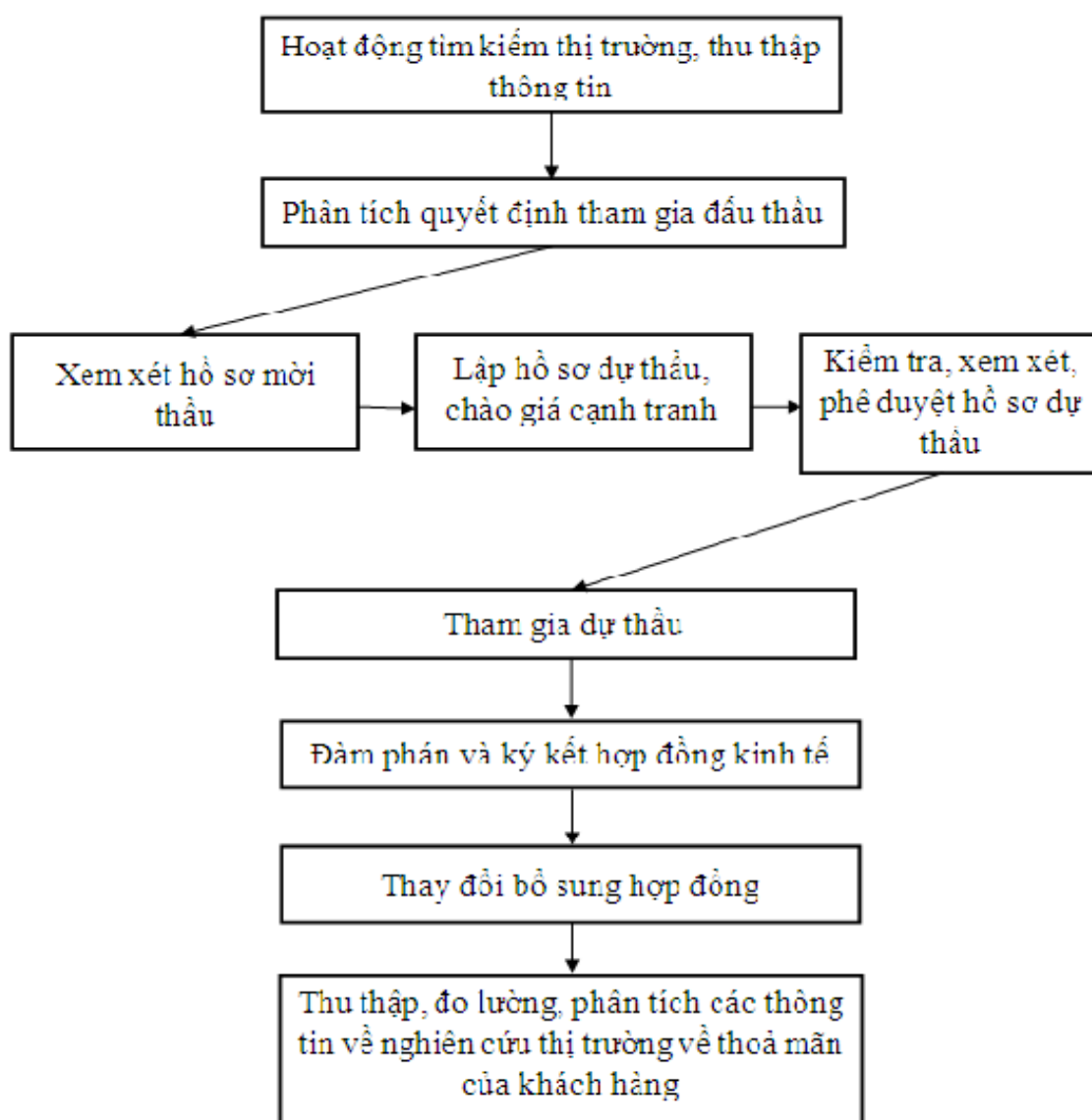
Nguồn: Công ty Cổ phần công trình 6

5.5. Quy trình sản xuất sản phẩm

Sơ đồ 2 - Quy trình sản xuất bê tông cốt thép



Sơ đồ 3 - Quy trình sản xuất bê tông dự ứng lực

Sơ đồ 4 - Quy trình đấu thầu dự án và ký kết hợp đồng

5.6. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Công trình 6 là một đơn vị hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, yếu tố công nghệ luôn được đặc biệt chú trọng. Do vậy, không ngừng nâng cao chất lượng thi công công trình là mục tiêu và chiến lược phát triển của Công ty. Công trình 6 đã thực hiện thành thạo và thường xuyên cải tiến nâng cao hiệu quả công nghệ thi công đại tu, đặt mới các công trình đường sắt; đặt ghi trên đường sắt đang khai thác; thi công công trình cầu đường sắt; ...

Ngoài ra, công ty còn đưa vào sản xuất các loại tà vẹt như Tà vẹt bê tông cốt thép và Tà vẹt bê tông dự ứng lực tại Xí nghiệp Vật liệu và Xây lắp...

5.7. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Công trình 6 đã áp dụng rộng rãi Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000 và liên tục cải tiến trong tất cả các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy các sản phẩm của Công ty không ngừng được hoàn thiện về chất lượng, cạnh tranh về giá cả, góp phần tăng sức cạnh tranh của Công ty trong xu thế hội nhập hiện nay.

Việc thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO ở Công ty được thực hiện từ bộ phận quản lý cho đến người lao động. Hệ thống quản lý chất lượng được thực hiện ở tất cả các khâu từ thủ tục đánh giá chất lượng nội bộ, kiểm soát các sản phẩm không phù hợp, kiểm soát an toàn lao động, kiểm soát tài liệu, hồ sơ, thiết bị đo, trang thiết bị máy móc, lựa chọn nhà cung cấp, xem xét yêu cầu của khách hàng và thực hiện hợp đồng, quản lý nhân lực, đào tạo, kiểm soát an toàn lao động, bảo quản, xuất nhập vật tư...

Hơn nữa, tùy từng công trình cụ thể, Công ty sẽ thành lập phòng thí nghiệm hiện trường trực thuộc Phòng thử nghiệm và kiểm định chất lượng công trình VILAS 167 để kiểm tra chất lượng trong quá trình thi công.

5.8. Hoạt động Marketing

Qua hơn 50 năm xây dựng và trưởng thành, thương hiệu Công trình 6 đã được khẳng định bởi uy tín, chất lượng các công trình dự án hoàn thành. Là một doanh nghiệp thuộc ngành đường sắt, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công trình 6 đã được mở rộng dần sang thi công các công trình đường bộ.

Để đạt được những kết quả đó trước hết Công ty luôn coi khách hàng là trung tâm. Công ty tiến hành thu thập các thông tin từ các chủ đầu tư, khách hàng để đáp ứng các yêu cầu của khách hàng và coi đó là một trong những thước đo mức độ thực hiện hiệu quả Hệ thống quản lý chất lượng.

Quy trình thu thập các thông tin từ khách hàng, xác định rõ những vấn đề không phù hợp do sản phẩm, dịch vụ Công ty cung cấp mà khách hàng đóng góp ý kiến hoặc khiếu nại, đưa ra hướng

giải quyết cụ thể được thống nhất giữa khách hàng và Công ty, rút kinh nghiệm tránh sai sót tương tự cho các lần sau, không ngừng cải tiến chất lượng sản phẩm.

Công ty luôn phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra, kinh doanh có hiệu quả. Hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở sự phân tích đánh giá thị trường kỹ lưỡng để đưa ra các quyết sách hợp lý, nhằm đạt được niềm tin của khách hàng cũng như đem lại hiệu quả cho bản thân doanh nghiệp.

Để nâng cao hơn nữa vị thế của doanh nghiệp trên thị trường, Công ty tiến hành niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, sau đó là các kế hoạch lâu dài khác nhằm quảng bá thương hiệu, xây dựng doanh nghiệp lớn mạnh là kế hoạch đặt ra của Hội đồng quản trị Công ty.

5.9. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền



5.10. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 10 - Các hợp đồng lớn đang thực hiện

STT	Tên hợp đồng	Giá trị hợp đồng	Thời gian thực hiện
1.	Công trình đường sắt đôi Lán Tháp Khe Thành-Uông Bí, Quảng Ninh	63 tỷ đồng	Từ 10/2009 đến 05/2011
2.	Công trình đường sắt Hà Nội-Lạng Sơn (Gói thầu số 5)	99 tỷ đồng	Từ 12/2008 đến 04/2010
3.	Công trình hành lang an toàn giao thông đường sắt (Gói thầu số 8)	20 tỷ đồng	Từ 10/2009 đến 12/2009
4.	Công trình đường sắt Lán Tháp Khe Thành, Bãi hàng ga Lán Tháp...	33 tỷ đồng	Từ 2007 đến 2010
5.	Công trình WB 11, WB 12 (Hành lang an toàn giao thông đường sắt)	35 tỷ đồng	Từ 04/2009 đến 03/2010
6.	Công trình đường bộ Sài Gòn -Trung Lương	88 tỷ đồng	Từ 2006 đến 2009
7.	Công trình đường bộ Nam Sông Hậu	137 tỷ đồng	Từ 2006 đến 2009
8.	Công trình Quốc lộ 12	46 tỷ đồng	Từ 2005 đến 2009
9.	Công trình Quốc lộ 2	26 tỷ đồng	Từ 2008 đến 2009
10.	Công trình DAP Hải Phòng	18 tỷ đồng	Từ 2007 đến 2009
11.	Công trình K1, K2 (Gói thầu số 6)	55 tỷ đồng	Từ 12/2009 đến 2011

(Nguồn: Công ty cổ phần công trình 6)

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 2 năm gần nhất

6.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động SXKD của Công ty trong 2 năm gần nhất

Bảng 11 - Tóm tắt một số chỉ tiêu hoạt động SXKD

Đơn vị : đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	% tăng, giảm	9 tháng năm 2009
Tổng giá trị tài sản	139.951.997.063	161.992.579.485	15,75	184.032.130.490
Doanh thu thuần	113.907.954.962	181.021.435.026	58,92	149.391.346.796
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	5.126.525.383	8.341.529.193	62,71	6.462.102.069
Lợi nhuận khác	106.878.924	543.805.619	408,81	483.746.354
Lợi nhuận trước thuế	5.233.404.307	8.885.334.812	69,78	6.945.848.423
Lợi nhuận sau thuế	4.503.938.307	7.686.521.581	70,66	5.435.211.834
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	84,14%	70,80%	-15,85	-

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2008 và BCTC Quý III/ 2009)

6.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo:

Công ty đã đạt được kết quả kinh doanh khả quan trong năm tài chính 2007, 2008. Cụ thể: Doanh thu năm 2008 đạt hơn 180 tỷ đồng (tăng 58,92% so với năm 2007), nhờ đó Lợi nhuận sau thuế của Công ty đã đạt 7,68 tỷ đồng (tăng 70,66% so với năm 2007).

Sự tăng trưởng về doanh thu, lợi nhuận của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp cũng như gián tiếp từ các yếu tố sau:

Thuận lợi:

- Công ty Cổ phần Công trình 6 là công ty có kinh nghiệm trong lĩnh vực thi công các công trình đường sắt và xây dựng cơ bản xây lắp. Trải qua hơn 50 năm xây dựng và phát triển, hiện Công ty có một đội ngũ cán bộ, kỹ sư, công nhân có trình độ, có tay nghề cao và

đang được chuyên nghiệp hoá có thể đáp ứng được những yêu cầu thực hiện các dự án công trình.

- Là một nền kinh tế đang phát triển, nhu cầu về xây dựng cơ sở hạ tầng của Việt Nam là rất cao. Đây là yếu tố quan trọng hàng đầu thúc đẩy tăng trưởng của các doanh nghiệp trong ngành xây dựng cơ bản.
- Từ 2007 đến nay, Công ty đã liên tục thực hiện các đợt tăng vốn từ 21 tỷ lên hơn 44 tỷ đồng. Bằng số vốn tăng thêm, Công ty đã đầu tư bổ sung cho các dự án đang thực hiện cũng như mua sắm các thiết bị thi công hiện đại nhằm tăng cường năng lực của Công ty. Thế mạnh về con người, thiết bị, công nghệ, quản lý kết hợp với thế mạnh về tài chính đã giúp Công trình 6 vượt qua những khó khăn của nền kinh tế trong năm 2008. Điều đó chứng tỏ việc sử dụng vốn của Công trình 6 đã đúng hướng, đầu tư đã đem lại hiệu quả trước mắt cũng như lâu dài về sau.

Khó khăn:

- Năm 2008 xảy ra cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, thị trường bất động sản biến động mạnh, lạm phát tăng cao cùng với chính sách thắt chặt tiền tệ của Nhà nước đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc triển khai các dự án và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Giá cả các loại nhiên liệu trên thị trường phụ thuộc nhiều vào sự biến động của giá cả trên thế giới. Trong năm 2008, có những lúc giá nguyên vật liệu xây dựng đã tăng 40-50% so với cuối năm 2007, một số mặt hàng tăng giá mạnh lên trên 100% như gạch, cát, đá..., làm gia tăng chi phí xây dựng, dẫn đến giá thành sản phẩm tăng tương ứng và hệ quả tất yếu làm giảm lợi nhuận hoạt động của Công ty trong năm.
- Một số dự án do việc chậm giải phóng mặt bằng, thay đổi thiết kế dẫn đến khối lượng bổ sung phát sinh lớn, gây lãng phí do thiết bị nhân lực phải chờ đợi.
- Các thủ tục hành chính còn chưa được đơn giản hóa dẫn đến các dự án đầu tư của Công ty thường triển khai chậm so với dự kiến, làm tăng vốn đầu tư do trượt giá và lãng phí do đưa công trình vào sử dụng chậm hơn so với tiến độ.
- Thêm vào đó, việc gia tăng số lượng các doanh nghiệp xây dựng cơ bản đã tạo ra sự cạnh tranh ngày càng quyết liệt trên thị trường. Yêu cầu của khách hàng về chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật, tiến độ công trình ngày càng cao.

7. Vị thế Công ty trong ngành

7.1. Những lợi thế cạnh tranh của Công ty

Công trình 6 là một trong những đơn vị có quy mô lớn và hoạt động hiệu quả trong ngành Đường sắt Việt Nam.

So sánh một số Công ty thuộc TCT Đường Sắt Việt Nam năm 2008

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Công ty CP Công trình 6	Công ty CP Công trình 3	Công ty CP Công trình đường sắt
1	Tổng tài sản	161,99	154,33	542,89
2	Vốn điều lệ	40,84	18,62	98,32
3	Doanh thu thuần	181,02	132,76	322,74
4	Lợi nhuận sau thuế	7,69	5,69	25,77

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán 2008 các công ty

7.2. Những khó khăn, thách thức đối với Công ty

Ngành Đường sắt Việt Nam tính đến tháng 12/2008 có 11 công ty về xây dựng cơ bản chưa kể đến các công ty thuộc lĩnh vực xây dựng cơ bản ngoài ngành. Do vậy sự cạnh tranh giữa các công ty trong lĩnh vực này sẽ ngày trở nên gay gắt hơn, nhất là trong giai đoạn Việt Nam đang hội nhập và phát triển cùng kinh tế khu vực và thế giới.

7.3. Triển vọng và cơ hội phát triển ngành

Triển vọng phát triển kinh tế Việt Nam trong thời gian tới có nhiều tín hiệu lạc quan về khả năng phục hồi sau khủng hoảng như: các gói kích cầu của Chính phủ dần phát huy tác dụng, lãi suất trở nên ổn định hơn, nhiều doanh nghiệp đã có mức tăng trưởng tốt trong những tháng đầu năm 2009.

Đường sắt

Định hướng đầu tư chiến lược mở rộng mạng lưới đường sắt không chỉ nội địa mà còn giao thương được với các nước lân cận như Campuchia, Thái Lan, Lào... đang mở ra những cơ hội phát triển lớn không chỉ về vận chuyển hành khách và hàng hóa mà còn những hoạt động xây dựng cơ bản, xây lắp đi kèm.

Theo Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 20/11/2008 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển giao thông vận tải đường sắt đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050, mục tiêu cụ thể ngành trong giai đoạn này:

- Đáp ứng tối thiểu 13% nhu cầu về lượng luân chuyển hành khách và 14% nhu cầu về lượng luân chuyển hàng hóa. Trong đó, trên các hành lang chính như hành lang Bắc - Nam là 37% về hành khách, hành lang Đông - Tây là 40% về hành khách và hơn 45% về hàng hóa; đáp ứng được 20% nhu cầu về vận chuyển hành khách đô thị.
- Ưu tiên thực hiện các dự án đường sắt đô thị tại Hà Nội và TP. HCM để đưa vào khai thác; phân đầu hoàn thành và đưa vào khai thác tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và Hà Nội - Đồng Đăng (thuộc chương trình hai hành lang, một vành đai kinh tế Việt - Trung); đầu tư xây dựng xong và đưa vào khai thác đường sắt cao tốc Bắc - Nam tốc độ 350 km/h, ưu tiên hoàn thành sớm đoạn Hà Nội - Huế hoặc Hà Nội - Đà Nẵng và TP. HCM - Nha Trang; hoàn thành và đưa vào khai thác tuyến đường sắt Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân, chuẩn bị triển khai dự án đường sắt trên cao Hà Nội - Hà Đông, đường sắt nối đến các cảng biển lớn, các khu công nghiệp, khu du lịch...
- Cải tạo nâng cấp các tuyến đường sắt quốc gia hiện có vào đúng cấp kỹ thuật đạt tốc độ 120 km/h phục vụ vận tải liên tỉnh, vận tải hàng hóa và kết nối với đường sắt các nước ASEAN, nghiên cứu để phát triển mạng lưới đường sắt ở phía Tây của đất nước.
- Mạng ĐSVN phải đạt mật độ $15 \div 17$ km/1.000 km² và khoảng 50 - 70 km/1 triệu dân, đường đôi đạt tỷ lệ $35 \div 39\%$ và đường điện khí hóa đạt tỷ lệ $40 \div 44\%$ trong đó chủ yếu là tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam; đường sắt cận cao tốc trên hành lang Đông - Tây và các tuyến đường sắt đô thị tại Hà Nội, TP. HCM.
- Cải tạo, xây dựng cơ sở chế tạo lắp ráp đầu máy, toa xe, sản xuất phụ tùng thay thế với tỷ lệ nội địa hóa đạt từ 50 - 60%; đổi mới công nghệ, mở rộng quy mô sản xuất để đóng mới khoảng 5.000 - 9.000 toa xe khách và 50.000 - 53.000 toa xe hàng với chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu trong nước cũng như xuất khẩu.

Ngày 01/07/2009 Ban Thường vụ Đảng ủy đường sắt Việt Nam đã ban hành Thông báo kết luận số 231-TB/ĐU về đề án chuyển Tổng công ty đường sắt Việt Nam thành Tập đoàn kinh tế đường sắt, hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con (đã trình Đề án lên Chính phủ trong tháng 7/2009).

Hiện nay, Tổng công ty đường sắt Việt Nam đang nghiên cứu dự án đường sắt cao tốc Bắc Nam (tuyến đường sắt cao tốc Hà Nội - TP HCM có chiều dài 1.570 km, với 26 ga, cự ly trung bình giữa các ga là 60km; tàu có vận tốc 300 km, bắt đầu khai thác từ năm 2026, vốn đầu tư khoảng 38 tỷ USD). Dự án sẽ được trình Chính phủ xem xét trên cơ sở thẩm định để trình Quốc hội vào tháng 05/2010.

✚ Đường bộ:

Cũng theo Chiến lược phát triển giao thông vận tải đường bộ của Thủ tướng Chính phủ đến năm 2020 là hệ thống quốc lộ và đường tỉnh phải được đưa vào đúng cấp kỹ thuật; mở rộng và xây dựng mới các quốc lộ có nhu cầu vận tải lớn; xây dựng hệ thống đường bộ cao tốc. Các tuyến đường bộ đối ngoại đạt tiêu chuẩn kỹ thuật của đường bộ khu vực. Thành lập Quỹ bảo trì đường bộ để đáp ứng nhu cầu nguồn vốn cho công tác bảo trì hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Với những hoạch định ưu tiên phát triển của Chính phủ nói trên đã mở ra cơ hội lớn cho Công trình 6 có thể đấu thầu nhiều các dự án trong ngành xây dựng cơ bản.

7.4. Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước

Với định hướng tiếp tục là một trong những đơn vị dẫn đầu trong ngành đường sắt tại Việt Nam, Công trình 6 đã xây dựng kế hoạch phát triển với các chỉ số tăng trưởng tương đối cao về tổng tài sản, huy động vốn, doanh thu, lợi nhuận... so với tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành.

Công trình 6 đang hướng dần công tác sản xuất và điều hành theo các chuẩn mực quốc tế. Từ đó cho thấy, định hướng và chiến lược kinh doanh của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng của toàn ngành đường sắt, yêu cầu hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

8. Chính sách với người lao động

8.1. Cơ cấu lao động

Tổng số người lao động trong Công ty tính đến ngày 30/10/2009 là 444 người. Trong đó, cơ cấu theo trình độ lao động như sau:

Bảng 12 - Cơ cấu lao động theo trình độ lao động

STT	Trình độ lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	52	11,71
2	Trình độ Cao đẳng và Trung cấp	23	5,18
3	Lao động phổ thông	369	83,11
	Tổng	444	100,00

(Nguồn: Công ty Cổ phần công trình 6)

8.2. Chính sách với người lao động

Xác định nguồn nhân lực là nền tảng cho sự phát triển, Công ty đã xây dựng và phát triển chính sách ưu đãi hợp lý với người lao động. thực hiện dưới các hình thức sau:

✚ Chế độ làm việc

- Người lao động trong Công ty đều có Hợp đồng lao động theo đúng Luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật lao động và các khoản trợ cấp, thưởng, được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội...
- Công ty thực hiện chế độ 5 ngày làm việc/tuần và 8 giờ/ngày. Người lao động được nghỉ theo đúng quy định của Luật lao động vào các ngày nghỉ lễ, nghỉ tết trong năm.

✚ Chính sách tuyển dụng và đào tạo

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển của Công ty. Công ty đặc biệt chú trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ tay nghề, chuyên môn của cán bộ công nhân viên.

✚ Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

- Hàng năm Công ty đều tổ chức thi tay nghề cho công nhân. Dựa vào kết quả đó, Công ty tiến hành nâng bậc lương cho cán bộ công nhân viên theo đúng chế độ của Nhà nước.
- Công ty có kế hoạch tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên và liên tục cải thiện tốt điều kiện làm việc cũng như nâng cao mức sinh hoạt chung cho toàn Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng tổ chức ăn ca cho cán bộ công nhân viên tại Công ty để đảm bảo sức khỏe cũng như tạo tinh thần đoàn kết trong toàn Công ty.

9. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ của Công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên những cơ sở như sau:

- Công ty chỉ trả cổ tức khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức theo tỷ lệ góp vốn.
- Tùy theo tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo thời hạn 6 tháng hoặc cả năm.

Bảng 13 - Tình hình chia cổ tức từ 2006 - 2008

CHỈ TIÊU	2006	2007	2008	
Tỷ lệ cổ tức	13%	13%	7%	10%
Hình thức chi trả cổ tức	Cổ Phiếu	Tiền mặt	CP tiền mặt cho tổ chức	Tiền mặt

(Nguồn: Công ty cổ phần công trình 6)

- Dự kiến năm 2009, tỷ lệ cổ tức của Công ty Cổ phần công trình 6 sẽ là 15%.

10. Tình hình tài chính

10.1 Các chỉ tiêu cơ bản

- Báo cáo tài chính của Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (VNĐ).
- Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- Công ty áp dụng các nguyên tắc kế toán được chấp thuận chung tại Việt Nam: các quy định tại các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành về kế toán tại Việt Nam. Hình thức kế toán áp dụng là Nhật ký chứng từ.
- Dự phòng phải thu khó đòi được Công ty trích lập cho những khoản phải thu khó đòi có khả năng thu hồi.
- Dự phòng phải trả được trích lập cho những công trình Công ty có nghĩa vụ bảo hành đã hoàn thành trong năm. Dự phòng phải trả được trích lập cho các khoản phải trả quá hạn từ 3 tháng trở lên và các công trình hoàn thành bàn giao nhưng chưa được duyệt quyết toán. Mức trích không quá 3% giá trị quyết toán.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.
- Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
- Nguyên giá tài sản cố định tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Tài sản	Số năm
Nhà xưởng và văn phòng	16 – 43 năm
Máy móc thiết bị	05 – 12 năm
Phương tiện vận tải	08 – 10 năm
Thiết bị quản lý	08 – 12 năm
Tài sản cố định khác	12 năm

- Tình hình công nợ hiện nay:

Bảng 14 - Tình hình công nợ phải thu năm 2007, 2008 và Quý III/ 2009

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	9 tháng năm 2009
Phải thu từ khách hàng	35.297.648.272	37.021.592.428	15.870.927.066
Trả trước cho người bán	10.557.261.269	7.849.262.737	24.934.480.322
Phải thu khác	251.496.658	148.378.005	619.794.409
Dự phòng phải thu khó đòi	(650.701.580)	(1.232.880.127)	(1.195.952.209)
Tổng	45.455.704.619	43.786.353.043	40.229.249.588

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2008 và BCTC hợp nhất quý III/2009)

Bảng 15 - Tình hình công nợ phải trả năm 2007, 2008 và Quý III/ 2009

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	9 tháng năm 2009
Vay và nợ ngắn hạn	24.233.970.839	29.916.415.769	15.930.194.300
Phải trả người bán	26.432.587.800	32.872.948.293	26.250.476.844
Người mua trả tiền trước	21.939.865.401	31.402.611.341	66.183.069.336
Phải trả công nhân viên	2.826.178.426	4.207.291.342	6.275.814.074
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	3.918.614.355	6.014.305.894	4.663.621.883
Các khoản phải trả khác	987.837.492	1.004.418.982	3.662.357.305

Chi phí phải trả	-	21.888.000	364.835.000
Phải trả nội bộ	1.408.980.806	3.949.684.506	4.244.100.506
Tổng nợ ngắn hạn	81.748.035.119	109.389.564.127	127.574.469.248
Vay và nợ dài hạn	7.189.390.426	-	800.907.295
Dự phòng trợ cấp việc làm	168.287.473	120.985.045	58.050.000
Dự phòng phải trả dài hạn	436.410.600	591.435.600	591.435.600
Tổng nợ dài hạn	7.794.088.499	712.420.645	1.450.392.895
Tổng nợ phải trả	89.542.123.618	110.101.984.772	129.024.862.143

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2008 và BCTC hợp nhất quý III/ 2009)

10.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Bảng 16 - Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2007	Năm 2008
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLD/Nợ NH)	Lần	1,28	1,15
- Hệ số thanh toán nhanh (TSLD-Hàng tồn kho)/Nợ NH	-	0,69	0,59
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	-		
- Hệ số nợ/tổng tài sản	-	0,64	0,68
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	-	1,78	2,12
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá VHB/hàng tồn kho bq)	Vòng	2,09	2,87
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	-	0,81	1,12
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	3,95	4,25

- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	-	9,04	14,98
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	-	3,22	4,74
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	-	4,50	4,61

(Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2007, 2008)

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Các hệ số về khả năng thanh toán luôn được Công trình 6 duy trì ở mức an toàn (trên 1 đối với khả năng thanh toán chung và khoảng 0,6 đối với khả năng thanh toán nhanh. Tuy nhiên các chỉ số này có xu hướng giảm dần do sự gia tăng của hàng tồn kho trong khi đó nguồn vốn từ nợ ngắn hạn tăng không nhiều.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Do đặc thù của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thi công xây lắp nên tỷ trọng tài sản lưu động chiếm tỷ trọng khá cao và nguồn tài trợ chủ yếu cho tài sản lưu động là từ nợ phải trả trong tổng nguồn vốn cũng chiếm tỷ lệ cao (năm 2007 chiếm 64%, 2008 chiếm 68%). Vì vậy, việc huy động thêm vốn chủ sở hữu thông qua việc phát hành thêm cổ phiếu sẽ giúp Công trình 6 tái cơ cấu tài chính và nâng cao năng lực tài chính; đảm bảo được mục tiêu tăng trưởng.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho của Công trình 6 có xu hướng tăng, do tốc độ tăng giá vốn cao hơn so với tốc độ tăng của hàng tồn kho qua các năm. Thêm vào đó vòng quay tổng tài sản cũng tăng đáng kể cho thấy công ty đã thực hiện quản lý tài sản tốt, tận dụng tốt các chi phí cơ hội trong quản lý hàng tồn kho cũng như đảm bảo tiến độ các dự án thi công xây lắp, tạo điều kiện tăng doanh thu, lợi nhuận.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời đều được cải thiện theo xu hướng tích cực qua các năm; đặc biệt trong năm 2008. Điều này cho thấy hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tốt và đảm bảo được mức lợi nhuận kỳ vọng cho các cổ đông.

11. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

11.1 Hội đồng quản trị

1. Ông: Lại Văn Quán - Chủ tịch HĐQT kiêm TGD

Họ và tên:	LẠI VĂN QUÁN
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	08/08/1959
Nơi sinh:	Quyết Tiến, Kiến Xương, Thái Bình
Chứng minh thư nhân dân:	Số:011671394; Ngày cấp: 30/12/2003; Nơi cấp: TP. Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Quyết Tiến, Kiến Xương, Thái Bình
Địa chỉ thường trú:	Số 7, ngõ 94, Phố Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên lạc:	04 3 883 6095
Trình độ văn hoá:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ quản trị kinh doanh, cử nhân Luật
Quá trình công tác:	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 2/1982-3/1987: Làm nhân viên kế toán – Thống kê tại xí nghiệp In tráng phim thuộc Cục điện ảnh - Từ 4/1987 – 10/1992: Phụ trách tổ Kế toán tài vụ xí nghiệp VLXD Công ty Công trình 6 - Từ 11/1992 – 1/1994: Phụ trách tổ Kế toán – Tài vụ xí nghiệp cung ứng vật tư vận tải Công ty cổ phần Công trình 6 - Từ 1/1994 – 5/1994: Phó phòng Tài chính – Kế toán Công ty Công trình 6 - Từ 5/1994 – 9/1998: Kế toán trưởng Công ty Công trình 6

	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 10/1998 – 6/2003 : Phó giám đốc phụ trách kinh doanh, chỉ đạo thi công khu vực miền Trung và miền Nam - Từ 6/2003- 09/2003 : Giám đốc Công ty Công trình 6 - Từ 10/2003- nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc công ty cổ phần công trình 6
Chức vụ hiện tại:	Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Công trình 6
Số cổ phần nắm giữ:	2.050.019 cổ phần (chiếm 46,2 % vốn điều lệ thực góp) <ul style="list-style-type: none"> - Số cổ phần nắm giữ của cá nhân: 109.244 cổ phần - Số cổ phần đại diện cho nhà nước: 1.940.775 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:	Không
Các khoản nợ với Công ty:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Lợi ích liên quan công ty:	Không

2. Ông Phạm Xuân Huy – Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc

Họ và tên:	PHẠM XUÂN HUY
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	09/11/1963
Nơi sinh:	Hà Nội
Chứng minh thư nhân dân:	Số: 011063049; Ngày cấp 03/9/1998; Nơi cấp: Công an Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Tô Hiệu, Thường Tín, Hà Nội.
Địa chỉ thường trú:	Số 25 ngõ 341 Đội cấn -Phố Liễu Giai- Ba Đình , Hà Nội
Điện thoại liên lạc:	04 3 883 3535

Trình độ văn hoá:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư xây dựng đường sắt
Quá trình công tác:	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 11/1963 - 9/1969: Còn nhỏ - Từ 9/1969 - 9/1980: Học Cấp I, II, III tại Hà Nội; - Từ 3/1981 - 4/1984: Đi bộ đội tại binh chủng Radar - Bộ tư lệnh PKKQ - Từ 8/1984 - 8/1985: Học tiếng Nga tại Khoa lưu học sinh Nga (Chuẩn bị du học tại Liên Xô cũ) Tại trường Đại Học Ngoại Ngữ Hà Nội; - Từ 8/1985 - 8/1990: Học tại Trường Đại Học Đường Sắt Matxcova - Liên Xô cũ; - Từ 8/1990 - 10/1992: Chờ Bộ Đại Học phân công công tác; - Từ 10/1992 - 01/1994: Kỹ thuật viên thi công đường sắt tại Xí nghiệp Công trình 601 - Công ty Công trình 6; - Từ 01/1994 - 4/1995: Phó Giám Đốc Xí nghiệp Công trình 604 - Công ty Công trình 6; - Từ 4/1995 - 8/1995: Phó giám đốc XN Vật tư Vận Tải - Công ty Công trình 6; - Từ 8/1995 - 11/1997: Phó GD XN Công trình 601 - Công ty CT 6; - Từ 11/1997 - 6/1998: Phó phòng Kế hoạch – Kỹ thuật - Công ty Công trình 6; - Từ 6/1998 - 9/1998: Trưởng phòng KH-KT - Công ty Công trình 6; - Từ 9/1998 - 4/1999: Thực tập tại trung tâm AOTS và Công ty đường sắt Tây Nhật Bản; - Từ 4/1999 - 6/2000: Phó phòng KH-KT - Công ty Công trình 6; - Từ 6/2000 - 3/2001: Trưởng phòng KH-KT - Công ty Công trình 6; - Từ 3/2001 - nay: Phó Tổng giám đốc - Công ty cổ phần Công trình 6

Chức vụ hiện tại:	Phó TGD - Kiêm Trưởng phòng KH-KT
Số cổ phần nắm giữ :	20.340 cổ phần (chiếm 0,46 % vốn điều lệ thực góp) - Số cổ phần nắm giữ của cá nhân: 20.340 cổ phần - Số cổ phần đại diện cho nhà nước: 0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:	Vợ Lê Thị Ngọc – 10.700 cổ phần (chiếm 0,24% VDL thực góp)
Các khoản nợ với Công ty:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Lợi ích liên quan công ty:	Không

3. Ông Trần Hữu Hưng – Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám Đốc

Họ và tên:	Trần Hữu Hưng
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	12/10/1957
Nơi sinh:	Hồng An, Hưng Hà, Thái Bình
Chứng minh thư nhân dân:	Số: 011703786; Ngày cấp: 01/06/1999; Nơi cấp: TP. Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hồng An, Hưng Hà, Thái Bình
Địa chỉ thường trú:	Tổ 36, Thị trấn Đông Anh, Tp Hà Nội
Điện thoại liên lạc:	04. 3 883 7501
Trình độ văn hoá:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Kinh tế Xây Dựng
Quá trình công tác:	- Từ 2/1975-11/1979 Chiến sĩ, Hạ sĩ quan QĐND Việt Nam - Từ 12/1979 – 1/1982: Sỹ quan – Tổng cục chính trị - Từ 2/1982 – 8/1982: Sỹ quan Tổ chức động viên, Ban tham mưu, E252, Bộ tư lệnh không quân

	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 9/1982 – 9/1985: Tổ trưởng tổ sản xuất, Phân xưởng gạch hoa Công ty Công trình 6 - Từ 10/1985 – 8/1992: Quản đốc Phân xưởng gạch hoa, Công ty Công trình 6 - Từ 9/1992 – 5/1996 : Kỹ sư , chuyên viên phòng KTKT , Công ty Công trình 6 - Từ 6/1996 – 11/1997: Kỹ sư, Chuyên viên Xí nghiệp Công trình 604, Công ty Công trình 6 - Từ 12/1997 – 12/1999: Phó trưởng phòng Tổng hợp , Công ty Công trình 6 - Từ 01/2000 – 5/2000: Quyền trưởng phòng Tổng hợp, Công ty Công trình 6. - Từ 06/2000 – 5/2003: Trưởng phòng Tổng hợp Công ty Công Trình 6 - Từ 6/2003-09/2003 Phó giám đốc Công ty công trình 6 - Từ 10/2003 – nay: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công ty cổ phần Công trình 6
Chức vụ hiện tại:	Ủy viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần C. trình 6
Số cổ phần nắm giữ :	38.257 cổ phần (chiếm 0,86 % vốn điều lệ thực góp): <ul style="list-style-type: none"> - Số cổ phần nắm giữ của cá nhân: 38.257 cổ phần - Số cổ phần đại diện cho nhà nước: 0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:	<ul style="list-style-type: none"> - Vợ Nguyễn Thị Hương: 9.361 cổ phần (0,21% VĐL thực góp) - Em Trần Hữu Trung: 7.691 cổ phần (0,17% VĐL thực góp)
Các khoản nợ với Công ty:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Lợi ích liên quan công ty:	Không

4. Ông Ma Ngọc Yên – Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám Đốc

Họ và tên:	MA NGỌC YÊN
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	17/5/1969
Nơi sinh:	Vĩnh Thịnh, Vĩnh Yên
Chứng minh thư nhân dân:	Số:012697626; Ngày cấp: 05/05/2004; Nơi cấp: TP Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Vĩnh Thịnh, Vĩnh Yên
Địa chỉ thường trú:	Tổ 36, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội.
Điện thoại liên lạc:	0903720786
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kĩ sư xây dựng Thủy lợi
Quá trình công tác:	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 1987 - 1992: Sinh viên Đại Học Xây Dựng Hà Nội; - Từ 11/1993 - 12/1994: Kỹ sư xây dựng XN Quản lý kỹ thuật Công trình Thủy Lợi Việt Trì; - Từ 01/1995 - 6/1998: Kỹ sư xây dựng - Công ty Công trình 6; - Từ 7/1998 - 5/2000: Phó GD - Xn Công trình 604 - Công ty Công trình 6; - Từ 6/2000 - 12/2004: Giám Đốc XN CT 603 - Công ty CPCT 6; - Từ 01/2005 - nay (11/2009): Phó TGD - Công ty CPCT 6.
Chức vụ hiện tại:	Phó Tổng Giám Đốc - Công ty cổ phần Công trình 6.
Số cổ phần nắm giữ :	<p>19.694 cổ phần (chiếm 0,44% vốn điều lệ thực góp):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số cổ phần nắm giữ của cá nhân: 19.694 cổ phần - Số cổ phần đại diện cho nhà nước: 0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của	Vợ Thái Thị Phương Liên: 19.104 cổ phần (0,43% VDL thực góp)

người có liên quan:	
Các khoản nợ với Công ty:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Lợi ích liên quan công ty:	Không

5. Ông Phan Anh Tuấn – Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng

Họ và tên:	PHAN ANH TUẤN
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	22/02/1970
Nơi sinh:	Thanh Long, Thanh Chương, Nghệ An
Chứng minh thư nhân dân:	Số: 012219669; Ngày cấp: 19/5/1999; Nơi cấp: Công an Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Thanh Long, Thanh Chương, Nghệ An
Địa chỉ thường trú:	Tổ 36, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội.
Điện thoại liên lạc:	04 3 883 2760
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài Chính - Kế Toán
Quá trình công tác:	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 25/10/1991 - 15/02/1992: Làm hợp đồng công tác thống kê kế toán tại đội Công trình 19/5 - Công ty Công trình 6; - Từ 16/02/92 - 04/01/1994: Kế toán viên tại Phòng tài vụ Công ty CT6; - Từ 05/01/1994 - 13/5/1994: Kế toán viên tại Xí nghiệp Vật tư Vận Tải - Công ty công trình 6; - Từ 5/1994 - 6/1996: Kế toán viên tại Xí nghiệp Công trình 604 - Công ty Công trình 6; - Từ 6/1996 - 10/1998: Phó Phòng Kế Toán - Công ty Công trình 6;

	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 10/1998 – 09/2003: Trưởng phòng Tài Chính Kế Toán, Kế toán trưởng - Công ty Công trình 6. - Từ 10/2003 – Nay Ủy viên HĐQT , Kế toán trưởng Công ty cổ phần công trình 6
Chức vụ hiện tại:	Kế toán trưởng - Công ty cổ phần Công trình 6.
Số cổ phần nắm giữ :	37.773 cổ phần (chiếm 0,85 % vốn điều lệ): <ul style="list-style-type: none"> - Số cổ phần nắm giữ của cá nhân: 37.773 cổ phần. - Số cổ phần đại diện cho nhà nước: 0 cổ phần.
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:	- Vợ Nguyễn Thị Hạnh : 25.036 CP (0,56 % VDL)
Các khoản nợ với Công ty:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Lợi ích liên quan công ty:	Không

11.2 Ban kiểm soát

1. Ông Phạm Anh Tú – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên:	PHẠM ANH TÚ
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	06/11/1963
Nơi sinh:	Phát Diệm, Kim Sơn, Hà Nam Ninh
Chứng minh thư nhân dân:	Số: 011803621; Ngày cấp: 01/08/2005; Nơi cấp: TP Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Phát Diệm, Kim Sơn, Hà Nam Ninh
Địa chỉ thường trú:	Khối 4, Thị trấn Đông Anh, TP Hà Nội
Điện thoại liên lạc:	
Trình độ văn hoá:	10/10

Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác:	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 11/1987 – 11/1989: Công tác tại Phòng tài vụ xí nghiệp VLXL Công ty Công trình 6 - Từ 11/1989 – 08/1992: Công tác tại Phòng tài vụ Công ty Công trình 6 - Từ 9/1992 – 7/2000: Công tác tại Phòng tài vụ Xí nghiệp vật liệu xây dựng Công ty Công trình 6 - Từ 8/2000 - 11/2007: Công tác tại Xí nghiệp 603. - Từ 11/2007 – nay : Công tác tại Công ty Cổ phần Công trình 6
Chức vụ hiện tại:	Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Công trình 6
Số cổ phần nắm giữ :	12.594 cổ phần (chiếm 0,28 % vốn điều lệ): <ul style="list-style-type: none"> - Số cổ phần nắm giữ của cá nhân: 12.594 cổ phần. - Số cổ phần đại diện cho nhà nước: 0 cổ phần.
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:	Vợ Phan Thị Lan Phương – 12.787 cổ phần (0,29% VDL)
Các khoản nợ với Công ty:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Lợi ích liên quan công ty:	Không

2. Ông Nguyễn Quang Trung - Thành viên BKS

Họ và tên:	NGUYỄN QUANG TRUNG
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	06/10/1973
Nơi sinh:	Tân Trào, Hải Phòng
Chứng minh thư nhân dân:	Số: 011770416; Ngày cấp:09/12/2008; Nơi cấp: TP Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh

Quê quán:	Tân Trào, Hải Phòng
Địa chỉ thường trú:	Số 34 A, Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên lạc:	
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc Sĩ
Quá trình công tác:	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 07/1997 – 09/1998: Chuyên viên Phòng Kinh tế Kỹ thuật, Công ty Cổ phần Công trình 6 - Từ 10/1998 – 05/1999: Cán bộ đoàn chuyên trách Công ty Công trình 6 - Từ 06/1999 – 11/2003: Bí thư đoàn chuyên trách Công ty Công trình 6 - Từ 12/2003 – 06/2005: Phó trưởng phòng Tổ chức Hành chính Công ty Công trình 6 - Từ 7/2005 – 3/2007: Chuyên viên Phòng Kế hoạch Kỹ thuật Công ty Cổ phần Công trình 6 - Từ 4/2007 – 5/2009: Phó Phòng Kế hoạch Kỹ thuật Công ty Cổ phần Công Trình 6 - Từ 6/2009 – nay: Phó Giám đốc Xí nghiệp Vật liệu và Xây lắp
Chức vụ hiện tại:	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Công trình 6
Số cổ phần nắm giữ :	<p>0 cổ phần (chiếm 0 % vốn điều lệ):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số cổ phần nắm giữ của cá nhân: 0 cổ phần. - Số cổ phần đại diện cho nhà nước: 0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:	Không
Các khoản nợ với Công ty:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Lợi ích liên quan công ty:	Không

3. Ông Nguyễn Quốc Trung – Thành viên BKS

Họ và tên:	NGUYỄN QUỐC TRUNG
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	16/02/1976
Nơi sinh:	Kim Bình, Kim Bảng, Hà Nam
Chứng minh thư nhân dân:	Số: 012628017 ; Ngày cấp: 25/9/2007; Nơi cấp: Công an Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Kim Bình, Kim Bảng, Hà Nam
Địa chỉ thường trú:	Tổ 4, Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.
Điện thoại liên lạc:	04 3 883 6678
Trình độ văn hoá:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 9/1994 - 6/1998: Sinh viên trường Đại học Công Đoàn - Hà Nội; - Từ 8/1998 - 7/2005: Kế toán viên, thủ quỹ XN Công trình 601 - Công ty Cổ Phần Công trình 6; - Từ 8/2005 - 11/2009: Chuyên viên kế toán XNCT 602 - Công ty Cổ phần Công trình 6.
Chức vụ hiện tại:	Nhân viên xí nghiệp công trình 602 – Công ty CP Công trình 6
Số cổ phần nắm giữ:	11.225 cổ phần (chiếm 0,25 % vốn điều lệ): <ul style="list-style-type: none"> - Số cổ phần nắm giữ của cá nhân: 11.225 cổ phần. - Số cổ phần đại diện cho nhà nước: 0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Nguyễn Văn Thành – 4.715 cổ phần (0,11% VĐL) - Chị Nguyễn Thị Mai – 2.781 cổ phần (0,06% VĐL)
Các khoản nợ với Công ty:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Lợi ích liên quan công ty:	Không

11.3 Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Lại Văn Quán – Tổng Giám Đốc (Lý lịch như trên)
2. Ông Phạm Xuân Huy - Phó Tổng Giám Đốc (Lý lịch như trên)
3. Ông Trần Hữu Hưng – Phó Tổng Giám Đốc (Lý lịch như trên)
4. Ông Ma Ngọc Yên - Phó Tổng Giám Đốc (Lý lịch như trên)

11.4 Kế toán trưởng

Ông Phan Anh Tuấn – Kế toán trưởng (Lý lịch như trên)

12. Tài sản**Bảng 17 - Giá trị tài sản của Công ty tại ngày 30/09/2009**

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	73.871.527.314	42.642.914.283	31.228.613.031
Nhà cửa, vật tư kiến trúc	9.499.169.378	5.040.151.085	4.459.018.293
Máy móc thiết bị	45.210.443.743	26.963.207.314	18.247.236.429
Phương tiện vận tải truyền dẫn	11.579.198.766	6.485.773.813	5.093.424.953
Thiết bị dụng cụ quản lý	7.002.490.944	4.102.121.609	2.900.369.335
TSCĐ khác	580.224.483	51.660.462	528.564.021
Tài sản cố định vô hình	2.650.000.000	385.287.065	2.264.712.935
Tổng cộng	76.521.527.314	43.028.201.348	33.493.325.966

(Nguồn: Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2009)

Tình hình sử dụng đất đai, nhà xưởng của Công ty tại thời điểm 30/09/2009

Bảng 18 - Tình hình nhà xưởng đất đai của Công ty tại thời điểm 30/09/2009

	Địa điểm	Diện tích	Thời hạn	Loại hình
Văn phòng Công ty, Xí nghiệp vật liệu xây lắp.	Tổ 36,38, Đông Anh, Hà Nội	45.500 m ²	Không xác định thời hạn	Đất giao
Công ty TNHH 1 thành viên Đá Phú lý	Thị xã Phú lý	35.000 m ²	Không xác định thời hạn	Đất giao
Văn phòng chi nhánh XN Công trình 604	Quận Thủ Đức, Tp HCM	1.414 m ²	50 năm	Đất mua
Nhà nghỉ Sầm Sơn- Thanh Hoá	Thị xã Sầm Sơn, Thanh Hoá	700 m ²	50 năm	Đất mua

(Nguồn: Công ty Cổ phần công trình 6)

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Bảng 19 - Kế hoạch Lợi nhuận và cổ tức năm 2009-2011

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009		Năm 2010		Năm 2011	
			Giá trị	% Tăng (giảm) so với năm 2008	Giá trị	% Tăng (giảm) so với năm 2009	Giá trị	% Tăng (giảm) so với năm 2010
1	Vốn chủ sở hữu	51.319	55.000	7,2	62.000	12,7	65.000	4,8
2	Vốn điều lệ	40.835	44.374	8,7	47.919	8,0	47.919	0,0
3	Doanh thu thuần	181.021	233.000	28,7	230.000	-1,3	253.000	10,0
4	Lợi nhuận sau thuế	7.686	9.500	23,6	12.000	26,3	13.000	8,3
5	Tỷ lệ LNST/ Doanh thu thuần	4.25%	4,08%		5.22%		5,14%	
6	Tỷ lệ LNST/ Vốn chủ sở hữu	14.98%	17,27%		19%		20%	
7	Tỷ lệ cổ tức		15%		15%		15%	

(Nguồn: Công ty Cổ phần công trình 6)

Ghi chú: Tại đại hội cổ đông tháng 3/2009 Công ty đã thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh với các chỉ tiêu: doanh thu 185 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 12 tỷ đồng. Trong quá trình sản xuất kinh doanh có nhiều thuận lợi, tại cuộc họp thường kỳ ngày 29/09/2009, Hội đồng quản trị Công ty đã xem xét và quyết định điều chỉnh kế hoạch trong năm 2009 và đề ra phương hướng kế hoạch cho năm 2010-2011 tại nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 29/09/2009.

Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Nền kinh tế Việt Nam đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, trong năm 2009 Chính phủ đã quyết định nâng tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản lên 64.000 tỷ đồng và yêu cầu đẩy mạnh các dự án đầu tư công. Bên cạnh đó, giá cả các loại nguyên vật liệu xây dựng cơ bản như xi măng, thép, gạch... đều giảm mạnh từ 30 – 40% so với lúc cao điểm năm 2008. Triển vọng của ngành trong nửa cuối năm 2009 và các năm tiếp theo nhìn chung là rất tích cực và sẽ tiếp tục được chứng kiến mức tăng trưởng tốt của ngành.

Hơn nữa, là một trong những công ty đầu ngành thuộc Tổng cục đường sắt Việt Nam, Công trình 6 luôn là đối tác lựa chọn hàng đầu trong các dự án đường sắt và đường bộ thuộc Tổng cục cũng như của Chính phủ trong công cuộc không ngừng cải thiện và xây dựng cơ sở hạ tầng nước ta hiện nay.

Bên cạnh lợi thế về chính sách của Nhà nước ưu tiên cho việc phát triển ngành xây dựng để phục vụ sự phát triển của đất nước trong những năm tới thì Công trình 6 cũng luôn trú trọng việc đề ra các phương án tổ chức - sản xuất - thi công một cách hiệu quả nhất để tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản xuất cho doanh nghiệp. Từ đó, Công ty có lợi thế cạnh tranh về giá của các gói thầu khi đấu thầu các dự án lớn.

Tính đến thời điểm cuối quý III năm 2009, doanh thu thực hiện của Công trình 6 đã đạt trên 149 tỷ (74,5% so với kế hoạch) theo đó lợi nhuận sau thuế đạt 5,4 tỷ đồng (đạt 56,84% kế hoạch)

Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần chứng khoán FPT đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần công trình 6. Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm như kế hoạch. Chúng tôi cũng cho rằng tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức như kế hoạch của Công ty đề ra là hợp lý, đảm bảo nguồn lợi nhuận giữ lại để tiếp tục tái đầu tư nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng trong tương lai.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn dựa trên những cơ sở thông tin thu được thu thập lựa có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

15. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết

Không có.

PHẦN V:
CỔ PHIẾU
NIÊM YẾT

V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Cổ phần phổ thông

2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu chào bán là **10.000 đồng/cổ phần** (Mười nghìn đồng/cổ phần)

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

Tổng số cổ phần niêm yết: **4.437.401** cổ phần

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết

Theo mục 1 điều 8 Nghị định số 14/2007 của Chính phủ quy định: Cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 6 tháng kể từ ngày niêm yết: **249.127** cổ phiếu.

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong 6 tháng tiếp theo: **124.564** cổ phiếu.

5. Phương pháp tính giá

✚ **Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2008:**

Giá trị sổ sách tại thời
điểm 31/12/2008

=

Vốn chủ sở hữu tại thời điểm **31/12/2008** - Quỹ
khen thưởng phúc lợi

Số cổ phiếu đang lưu hành

51.890.594.713 - 570.791.471

=

4.081.520,5

=

12.574 đồng/ Cổ phiếu

✚ **Giá trị sổ sách tại thời điểm 30/09/2009:**

Giá trị sổ sách tại thời điểm 30/06/2009	Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/09/2009 - Quỹ khen thưởng phúc lợi
=	Số cổ phiếu đang lưu hành
	55.007.268.347 – 944.531.471
=	4.435.401
=	12.189 đồng/ Cổ phiếu

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

- ✚ Theo quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài giới hạn tối đa là 49% tổng số cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.
- ✚ Tại thời điểm 15/12/2009 tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài là 0% tổng số cổ phiếu lưu hành của công ty.

7. Các loại thuế có liên quan

- ✚ Công ty Cổ phần công trình 6 hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103002966 ngày 29/09/2003, sửa đổi lần 4 ngày 14/01/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Theo quy định của Nghị định của Chính phủ số 64/2002/ND-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm 2004, 2005 và giảm 50% trong 3 năm 2006, 2007 và 2008. Từ năm 2009, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước là 25%.
- ✚ Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

PHẦN VI:
CÁC ĐỐI TÁC
LIÊN QUAN ĐẾN
VIỆC NIÊM YẾT

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN****❖ Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn tài chính Quốc tế.**

Địa chỉ : Số 09, lô 1A, đường Trung Yên, phường Trung Hòa, Q.Cầu Giấy, TP.Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 37 832 991 Fax: (84-4) 37 832 990

Website : www.ifcvietnam.com.vn

Email : ifc@ifcvietnam.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN**❖ Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT*****Trụ sở chính***

Địa chỉ: 71 Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội.

Điện thoại: 04.3773 70 70/ 6271 71 71

Fax: 04.3773 90 58

Email: fptsecurities@fpts.com.vn

Website: www.fpts.com.vn

Chi nhánh tại Tp Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 31 Nguyễn Công Trứ - Phường Nguyễn Thái Bình - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.6290 86 86

Fax: 08.6290 0607

Chi nhánh tại Tp Đà Nẵng

Địa chỉ: 124 Nguyễn Thị Minh Khai. Q Hải Châu. TP Đà Nẵng

Điện thoại: 0511.355 3666

Fax: 0511.355 3888

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

2. Phụ lục II: Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu Công ty niêm yết

3. Phụ lục V: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2007, 2008

4. Phụ lục VI: Báo cáo tài chính Quý III/ 2009

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2010

TỔ CHỨC NIÊM YẾT - CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH 6

CHỦ TỊCH HĐQT-TỔNG GIÁM ĐỐC



[Handwritten signature]

Lại Văn Quán

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

[Handwritten signature]

Phạm Anh Tú

[Handwritten signature]

Phạm Anh Tuấn

TỔ CHỨC TƯ VẤN - CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Diệp Tùng